

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 09 năm 2024

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10 NĂM HỌC 2024-2025

TT	Số hồ sơ	SBD	Họ và tên		Lớp	GT	Ngày sinh	Tính chất lớp	Ngoại ngữ 1	Ngoại ngữ 2	Ghi chú
1	1	9003	Trương Hoàng Nam	An	10A05	Nam	13/11/2009	N3- Tăng cường tiếng Anh-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
2	2	9052	Lê Nguyên	Đinh	10A13	Nam	20/10/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
3	3	9053	Ngô Nguyễn Hữu	Đức	10A02	Nam	30/09/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
4	4	9268	Nguyễn Quang	Khang	10A02	Nam	15/07/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
5	5	9301	Nguyễn Đức	Nhân	10A04	Nam	28/11/2009	N2- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
6	7	9329	Phạm Bình	Minh	10A04	Nam	13/12/2009	N2- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
7	8	9438	Lâm Nhã	Trân	10A08	Nữ	06/08/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
8	9	90000	Bùi Nguyễn Thanh	An	10A09	Nữ	11/01/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
9	10	90025	Bùi Nhật	Anh	10A04	Nam	11/11/2009	N2- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
10	11	90082	Nguyễn Trương Minh	Anh	10A11	Nữ	02/07/2009	N1- NN2 tiếng pháp-LÝ-HÓA-SINH-TIN- NGOẠI NGỮ 2 TIẾNG PHÁP	Tiếng Anh	Tiếng Pháp	
11	12	90088	Phạm Đức	Anh	10D09	Nam	07/04/2009	N4- NN2 TIẾNG PHÁP-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN- NGOẠI NGỮ 2 TIẾNG PHÁP	Tiếng Anh	Tiếng Pháp	
12	13	90089	Phạm Hoàng Minh	Anh	10A11	Nữ	14/05/2009	N1- NN2 tiếng pháp-LÝ-HÓA-SINH-TIN- NGOẠI NGỮ 2 TIẾNG PHÁP	Tiếng Anh	Tiếng Pháp	
13	14	90117	Nguyễn Khánh Gia	Bảo	10A06	Nam	17/09/2009	N3- Tăng cường tiếng Anh-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
14	15	90128	Hoàng Tôn Bửu	Chánh	10A15	Nam	05/03/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
15	16	90150	Trịnh Quỳnh	Chi	10D01	Nữ	18/12/2009	N4- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
16	17	90153	Trần Xuân	Chí	10D01	Nam	20/04/2009	N4- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
17	18	90155	Từ Nam	Cường	10A16	Nam	29/05/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
18	19	90157	Ngô Nguyễn Minh	Đặng	10A03	Nam	26/05/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
19	20	90171	Nguyễn Ngọc	Doanh	10A15	Nữ	02/03/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
20	21	90176	Nguyễn Hoàng	Đức	10A06	Nam	01/07/2009	N3- Tăng cường tiếng Anh-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
21	22	90178	Nguyễn Anh Trí	Dũng	10A06	Nam	29/06/2009	N3- Tăng cường tiếng Anh-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
22	23	90184	Mai Khánh	Duy	10A05	Nam	13/10/2009	N3- Tăng cường tiếng Anh-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
23	24	90243	Lương Nguyễn Nhật	Hưng	10A12	Nam	31/01/2009	N2- Thường-LÝ-HÓA-SINH-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
24	25	90244	Nguyễn Lâm Toàn	Hưng	10A02	Nam	01/05/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
25	26	90255	Lê Nguyễn Gia	Huy	10A04	Nam	15/03/2009	N2- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
26	27	90276	Đông Gia	Khang	10A06	Nam	04/01/2009	N3- Tăng cường tiếng Anh-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
27	28	90289	Trần Nguyễn Gia	Khang	10D01	Nam	20/08/2009	N4- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
28	29	90302	Vũ Ngọc	Khánh	10A15	Nữ	16/07/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
29	30	90342	Ethan Thong Yu	Kong	10A06	Nam	24/01/2009	N3- Tăng cường tiếng Anh-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
30	31	90346	Ngô Hiếu Khả	Kỳ	10D06	Nữ	26/05/2009	N5- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
31	32	90366	Phạm Nguyễn Gia	Liêm	10A01	Nam	04/10/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
32	33	90399	Nguyễn Phúc Hoàng	Long	10D01	Nam	20/03/2009	N4- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	

TT	Số hồ sơ	SBD	Họ và tên		Lớp	GT	Ngày sinh	Tính chất lớp	Ngoại ngữ 1	Ngoại ngữ 2	Ghi chú
33	34	90432	Phạm Hoàng Tấn	Minh	10A03	Nam	26/02/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
34	35	90481	Thân Ngọc Xuân	Nghi	10A01	Nữ	26/10/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
35	36	90500	Trương Khánh	Ngọc	10N	Nữ	02/11/2009	N6- THƯỜNG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	TIẾNG NHẬT	TIẾNG ANH	
36	37	90520	Tô Phan Khôi	Nguyễn	10A11	Nam	24/06/2009	N1- NN2 tiếng pháp-LÝ-HÓA-SINH-TIN- NGOẠI NGỮ 2 TIẾNG PHÁP	Tiếng Anh	Tiếng Pháp	
37	38	90553	Phạm Thành	Phú	10A11	Nam	07/10/2009	N1- NN2 tiếng pháp-LÝ-HÓA-SINH-TIN- NGOẠI NGỮ 2 TIẾNG PHÁP	Tiếng Anh	Tiếng Pháp	
38	39	90575	Nguyễn Hoàng Nhật	Phuong	10A11	Nữ	05/03/2009	N1- NN2 tiếng pháp-LÝ-HÓA-SINH-TIN- NGOẠI NGỮ 2 TIẾNG PHÁP	Tiếng Anh	Tiếng Pháp	
39	40	90582	Trần Hà	Phuong	10A01	Nữ	15/05/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
40	41	90615	Trần Nguyễn Phúc	Tâm	10A15	Nam	12/01/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
41	42	90645	Trần Tiến	Thông	10A06	Nam	21/09/2009	N3- Tăng cường tiếng Anh-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
42	43	90687	Phạm Quang Minh	Trí	10A05	Nam	01/06/2009	N3- Tăng cường tiếng Anh-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
43	44	90722	Chu Nguyễn Khánh	Vân	10A01	Nữ	15/10/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
44	45	90757	Đỗ Hải	Yến	10D01	Nữ	31/12/2009	N4- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
45	46	90778	Hoàng Việt	Anh	10A05	Nam	11/04/2009	N3- Tăng cường tiếng Anh-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
46	47	90840	Trần Trà	Giang	10A02	Nữ	30/04/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
47	48	90937	Trần Thành	Long	10A05	Nam	31/03/2009	N3- Tăng cường tiếng Anh-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
48	49	90997	Dương Kỳ Gia	Phúc	10D04	Nam	23/06/2009	N4- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
49	50	91043	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Thy	10A12	Nữ	27/07/2009	N2- Thường-LÝ-HÓA-SINH-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
50	52	91052	Trần Nguyễn Bảo	Trần	10D06	Nữ	23/02/2009	N5- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
51	54	91092	Vũ Hà	Lam	10D05	Nữ	10/01/2009	N4- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
52	55	91095	Trần Kim	Ngân	10A15	Nữ	01/04/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
53	56	91133	Nguyễn Nam	Anh	10A01	Nam	09/09/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
54	57	91158	Nguyễn Đình	Chương	10A12	Nam	09/10/2009	N2- Thường-LÝ-HÓA-SINH-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
55	58	91246	Nguyễn Thành	Luân	10A02	Nam	04/12/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
56	59	91286	Dương Phạm Hoàng	Nhân	10A08	Nam	27/03/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
57	60	91334	Trần Phú Đan	Tâm	10A07	Nữ	31/08/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
58	61	91349	Nguyễn Anh	Thư	10A01	Nữ	12/03/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
59	62	91459	Bùi Nhật	Huy	10A06	Nam	18/05/2009	N3- Tăng cường tiếng Anh-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
60	63	91475	Trần Đăng	Khoa	10A10	Nam	29/06/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
61	64	91519	Vũ Hoàng	Nhân	10A01	Nam	14/02/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
62	65	91594	Trần Vũ Uyên	Quân	10D04	Nữ	31/01/2009	N4- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
63	66	91596	Trần Kim	Thư	10D01	Nữ	19/06/2009	N4- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
64	67	91600	Nguyễn Ngọc Trâm	Anh	10N	Nữ	24/08/2009	N6- THƯỜNG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	TIẾNG NHẬT	TIẾNG ANH	
65	68	91601	Phạm Thùy	Chi	10N	Nữ	15/12/2009	N6- THƯỜNG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	TIẾNG NHẬT	TIẾNG ANH	
66	69	91612	Trần Huỳnh Thiên	Kim	10N	Nữ	08/08/2009	N6- THƯỜNG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	TIẾNG NHẬT	TIẾNG ANH	
67	70	91615	Trần Phạm Hà	Linh	10N	Nữ	05/02/2009	N6- THƯỜNG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	TIẾNG NHẬT	TIẾNG ANH	
68	71	91616	Võ Ngọc Khải	My	10D07	Nữ	29/03/2009	N6- THUONG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
69	72	91672	Nguyễn Gia	Cát	10A09	Nam	25/08/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
70	73	91681	Nguyễn Phúc Minh	Đăng	10A01	Nam	16/06/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
71	74	91737	Đặng Đức	Nguyễn	10A11	Nam	17/06/2009	N1- NN2 tiếng pháp-LÝ-HÓA-SINH-TIN- NGOẠI NGỮ 2 TIẾNG PHÁP	Tiếng Anh	Tiếng Pháp	
72	75	91739	Nguyễn Hoàng	Nhân	10A02	Nam	22/09/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	

TT	Số hồ sơ	SBD	Họ và tên		Lớp	GT	Ngày sinh	Tính chất lớp	Ngoại ngữ 1	Ngoại ngữ 2	Ghi chú
73	76	91768	Hồ Thái Phương	Thùy	10A01	Nữ	24/05/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
74	77	91774	Thái Bích	Trà	10A04	Nữ	04/12/2009	N2- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
75	78	91783	Hà Gia Minh	Tú	10A03	Nữ	12/03/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
76	79	91836	Võ Nguyễn Thành	An	10A10	Nữ	17/03/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
77	80	91886	Lê Tự Quốc	Đạt	10A12	Nam	05/02/2009	N2- Thường-LÝ-HÓA-SINH-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
78	81	91887	Đặng Hạ	Di	10A07	Nữ	09/05/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
79	82	91921	Hồ Ngọc	Hiếu	10A06	Nam	24/07/2009	N3- Tăng cường tiếng Anh-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
80	83	91936	Lê Trần Gia	Huy	10A14	Nam	08/12/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
81	84	91960	Đinh Nguyễn Kim	Khánh	10A10	Nữ	02/12/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
82	85	91976	Trần Nguyễn Xuân	Khoa	10A07	Nam	23/07/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
83	86	92009	Phạm Châu Sỹ	Long	10A13	Nam	19/04/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
84	87	92075	Hồ Khánh	Nhiên	10D01	Nữ	24/06/2009	N4- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
85	88	92080	Lê Anh	Phát	10A13	Nam	15/01/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
86	89	92149	Phan Huy	Thông	10A08	Nam	07/09/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
87	90	92155	Trần Nguyễn Minh	Thư	10A08	Nữ	08/06/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
88	91	92177	Hà Minh	Tuấn	10A07	Nam	17/09/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
89	92	92231	Phan Nguyễn Gia	Anh	10D06	Nữ	07/11/2009	N5- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
90	93	92234	Trần Phạm Linh	Anh	10D04	Nữ	31/08/2009	N4- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
91	94	92241	Trần Ngọc Minh	Châu	10D09	Nữ	12/06/2009	N4- NN2 TIẾNG PHÁP-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN- NGOẠI NGỮ 2 TIẾNG PHÁP	Tiếng Anh	Tiếng Pháp	
92	95	92285	Phạm Nguyễn Thúy	Hằng	10A16	Nữ	20/03/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
93	96	92295	Đinh Nguyễn Triều	Khang	10A02	Nam	22/07/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
94	97	92337	Phan Nguyễn Ngọc	Minh	10D07	Nữ	27/07/2009	N6- THUONG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
95	98	92343	Nguyễn Trần Thảo	My	10D04	Nữ	26/07/2009	N4- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
96	99	92354	Phạm Lê Phương	Nghi	10A05	Nữ	19/08/2009	N3- Tăng cường tiếng Anh-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
97	100	92362	Lê Hồng	Ngọc	10D09	Nữ	03/05/2009	N4- NN2 TIẾNG PHÁP-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN- NGOẠI NGỮ 2 TIẾNG PHÁP	Tiếng Anh	Tiếng Pháp	
98	101	92375	Nguyễn Lâm Thiên	Nhi	10D03	Nữ	24/01/2009	N6- Tăng cường Tiếng Anh-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
99	102	92389	Phùng Phương	Nhung	10D03	Nữ	03/07/2009	N6- Tăng cường Tiếng Anh-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
100	103	92399	Hồ Mai	Phuong	10D03	Nữ	03/11/2009	N6- Tăng cường Tiếng Anh-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
101	104	92414	Nguyễn Kim Gia	Thảo	10A09	Nữ	23/08/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
102	105	92446	Nhan Bảo	Trần	10D08	Nữ	14/08/2009	N7- THƯỜNG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- ÂM NHẠC	Tiếng Anh	0	
103	106	92449	Nguyễn Lê Uyên	Trang	10D01	Nữ	21/01/2009	N4- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
104	107	92463	Lê Nhã	Uyên	10D04	Nữ	15/06/2009	N4- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
105	108	92472	Tạ Hải	Vi	10D02	Nữ	30/09/2009	N4- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
106	109	92543	Lai Ngọc Minh	Anh	10D07	Nữ	04/11/2009	N6- THUONG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
107	110	92585	Phạm Lê Ngọc	Anh	10D04	Nữ	29/05/2009	N4- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
108	111	92586	Phạm Minh	Anh	10D04	Nữ	23/05/2009	N4- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
109	112	92587	Phan Bảo	Anh	10A12	Nữ	04/04/2009	N2- Thường-LÝ-HÓA-SINH-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
110	113	92633	Nguyễn Lê Minh	Châu	10D01	Nữ	06/09/2009	N4- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
111	114	92794	Tô Nguyễn Quỳnh	Hương	10D06	Nữ	11/09/2009	N5- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
112	115	92834	Ngô Quang Tuấn	Khang	10A02	Nam	20/09/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
113	116	92891	Trần Minh	Khoa	10D08	Nam	17/12/2009	N7- THƯỜNG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- ÂM NHẠC	Tiếng Anh	0	

TT	Số hồ sơ	SBD	Họ và tên		Lớp	GT	Ngày sinh	Tính chất lớp	Ngoại ngữ 1	Ngoại ngữ 2	Ghi chú
114	117	92979	Võ Ngọc Khánh	Linh	10A11	Nữ	22/09/2009	N1- NN2 tiếng pháp-LÝ-HÓA-SINH-TIN- NGOẠI NGỮ 2 TIẾNG PHÁP	Tiếng Anh	Tiếng Pháp	
115	118	92997	Huỳnh Nguyễn Trúc	Mai	10D03	Nữ	29/10/2009	N6- Tăng cường Tiếng Anh-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
116	119	93005	Bùi Văn	Minh	10A05	Nam	11/11/2009	N3- Tăng cường tiếng Anh-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
117	120	93022	Nguyễn Quốc	Minh	10A01	Nam	25/03/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
118	121	93115	Nguyễn Đỗ Phúc	Nguyễn	10D03	Nam	19/04/2009	N6- Tăng cường Tiếng Anh-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
119	122	93123	Phạm Hoàng Thảo	Nguyễn	10D07	Nữ	19/06/2009	N6- THUONG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
120	123	93165	Trần Ý	Nhi	10A09	Nữ	28/09/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
121	124	93181	Trần Ngọc Uyên	Như	10D09	Nữ	06/04/2009	N4- NN2 TIẾNG PHÁP-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN- NGOẠI NGỮ 2 TIẾNG PHÁP	Tiếng Anh	Tiếng Pháp	
122	125	93185	Đặng Phan Gia	Phát	10A01	Nam	18/02/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
123	126	93229	Bùi Nguyễn Minh	Phương	10A03	Nữ	29/01/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
124	127	93257	Đào Chiêu	Quân	10D01	Nữ	30/08/2009	N4- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
125	128	93275	Nguyễn Nhật	Quang	10D03	Nam	16/05/2009	N6- Tăng cường Tiếng Anh-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
126	129	93276	Phạm Khang	Quang	10D02	Nam	29/08/2009	N4- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
127	131	93510	Nguyễn Vũ Phúc	Vinh	10A10	Nam	23/09/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
128	132	93556	Nguyễn Thanh	An	10D08	Nữ	31/12/2009	N7- THƯỜNG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- ÂM NHẠC	Tiếng Anh	0	
129	133	93619	Nguyễn Tấn	Hung	10A03	Nam	18/04/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
130	135	93763	Thái Minh	Khôi	10A11	Nam	23/05/2009	N1- NN2 tiếng pháp-LÝ-HÓA-SINH-TIN- NGOẠI NGỮ 2 TIẾNG PHÁP	Tiếng Anh	Tiếng Pháp	
131	136	93768	Nghiêm Thị Diễm	My	10D06	Nữ	24/11/2009	N5- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
132	137	93804	Bùi Nguyễn Đức	Anh	10A03	Nam	24/10/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
133	138	93811	Nghiêm Ngọc	Anh	10A07	Nữ	17/02/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
134	139	93926	Lê Nguyễn Anh	Khoa	10A02	Nam	05/11/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
135	140	93940	Nguyễn Mỹ Kỳ	Lâm	10A11	Nữ	16/09/2009	N1- NN2 tiếng pháp-LÝ-HÓA-SINH-TIN- NGOẠI NGỮ 2 TIẾNG PHÁP	Tiếng Anh	Tiếng Pháp	
136	141	94120	Hồ Phạm Ngọc	Trâm	10A03	Nữ	21/08/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
137	142	94175	Lê Nam	Anh	10A07	Nam	04/08/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
138	144	94221	Trương Thanh	Hiền	10A02	Nữ	02/06/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
139	145	94272	Lê Hoàng Phương	Lâm	10A08	Nam	26/08/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
140	146	94566	Trần Trí Đăng	Quân	10A11	Nam	07/09/2009	N1- NN2 tiếng pháp-LÝ-HÓA-SINH-TIN- NGOẠI NGỮ 2 TIẾNG PHÁP	Tiếng Anh	Tiếng Pháp	
141	147	94573	Trịnh Phúc Trường	Thành	10A02	Nam	15/01/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
142	148	94625	Nguyễn Tuấn	Kỳ	10D08	Nam	02/10/2009	N7- THƯỜNG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- ÂM NHẠC	Tiếng Anh	0	
143	149	94767	Võ Ngọc Bảo	Hân	10A13	Nữ	26/10/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
144	150	94785	Nguyễn Khải	Huân	10A03	Nam	27/07/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
145	151	94859	Nguyễn Tấn	Khoa	10A14	Nam	12/12/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
146	152	94871	Nghiêm Mai	Khôi	10A11	Nữ	04/04/2009	N1- NN2 tiếng pháp-LÝ-HÓA-SINH-TIN- NGOẠI NGỮ 2 TIẾNG PHÁP	Tiếng Anh	Tiếng Pháp	
147	153	94955	Huỳnh Ngọc Bảo	Nghi	10A09	Nữ	22/09/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
148	154	95015	Nguyễn Phúc Quý	Ninh	10A02	Nam	26/09/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
149	155	95227	Võ Nguyễn Minh	Anh	10D04	Nữ	27/10/2009	N4- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
150	156	95248	Huỳnh Cẩm	Đào	10A11	Nữ	07/03/2009	N1- NN2 tiếng pháp-LÝ-HÓA-SINH-TIN- NGOẠI NGỮ 2 TIẾNG PHÁP	Tiếng Anh	Tiếng Pháp	

TT	Số hồ sơ	SBD	Họ và tên		Lớp	GT	Ngày sinh	Tính chất lớp	Ngoại ngữ 1	Ngoại ngữ 2	Ghi chú
151	157	95282	Lê Gia	Hân	10A11	Nữ	30/04/2009	N1- NN2 tiếng pháp-LÝ-HÓA-SINH-TIN- NGOẠI NGỮ 2 TIẾNG PHÁP	Tiếng Anh	Tiếng Pháp	
152	158	95313	Dương Minh	Huyền	10D08	Nữ	26/07/2009	N7- THƯỜNG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- ÂM NHẠC	Tiếng Anh	0	
153	159	95350	Nguyễn Dương Khánh	Linh	10A09	Nữ	11/05/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
154	160	95529	Lê Bảo	Trần	10A01	Nữ	04/03/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
155	161	95570	Bùi Châu Huệ	Ý	10A12	Nữ	07/08/2009	N2- Thường-LÝ-HÓA-SINH-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
156	162	95689	Thái Gia Tuệ	Minh	10A02	Nữ	14/09/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
157	163	96810	Nguyễn Trí	Dũng	10A16	Nam	24/04/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
158	164	100004	Lữ Nguyễn Tấn	An	10A02	Nam	02/06/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
159	165	100014	Trần Đình	An	10A15	Nữ	13/04/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
160	167	100026	Đỗ Thế	Anh	10A14	Nam	09/03/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
161	169	100059	Nguyễn Ngọc Hải	Anh	10D08	Nữ	16/03/2009	N7- THƯỜNG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- ÂM NHẠC	Tiếng Anh	0	
162	170	100065	Nguyễn Thái Hoàng	Anh	10D06	Nữ	22/08/2009	N5- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
163	171	100069	Phạm Dương Phương	Anh	10A09	Nữ	23/09/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
164	172	100085	Vũ Nguyễn Chí	Anh	10A01	Nam	20/01/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
165	173	100104	Nguyễn Hồng Gia	Bảo	10A08	Nam	25/12/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
166	174	100179	Nguyễn Minh	Dũng	10A05	Nam	09/09/2009	N3- Tăng cường tiếng Anh-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
167	175	100184	Bùi Châu Hoàng	Dương	10A06	Nam	12/12/2009	N3- Tăng cường tiếng Anh-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
168	176	100195	Lê Nguyễn Đông	Giang	10D02	Nữ	17/10/2009	N4- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
169	177	100217	Nguyễn Lê Mai	Hân	10A13	Nữ	18/12/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
170	178	100219	Nguyễn Lý Gia	Hân	10D06	Nữ	26/03/2009	N5- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
171	179	100241	Trần Đoàn Thanh	Hiền	10A07	Nữ	30/04/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
172	180	100257	Ngô Bảo Nam	Huân	10D05	Nam	19/01/2009	N4- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
173	181	100281	Nguyễn Phi Gia	Huy	10D06	Nam	01/06/2009	N5- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
174	182	100325	Nguyễn Võ Gia	Khang	10A04	Nam	31/07/2009	N2- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
175	183	100328	Tạ Đàm Gia	Khang	10D07	Nam	19/01/2009	N6- THUONG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
176	185	100342	Nguyễn Phạm Gia	Khánh	10D02	Nam	10/10/2009	N4- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
177	186	100357	Hứa Phạm Anh	Khôi	10A08	Nam	26/12/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
178	187	100386	Nguyễn Võ Thiên	Kim	10D08	Nữ	18/10/2009	N7- THƯỜNG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- ÂM NHẠC	Tiếng Anh	0	
179	188	100401	Võ Thùy	Lâm	10A08	Nữ	04/06/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
180	189	100408	Huỳnh Lê Phương	Linh	10D08	Nữ	29/09/2009	N7- THƯỜNG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- ÂM NHẠC	Tiếng Anh	0	
181	190	100412	Nguyễn Khánh	Linh	10D09	Nữ	24/11/2009	N4- NN2 TIẾNG PHÁP-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN- NGOẠI NGỮ 2 TIẾNG PHÁP	Tiếng Anh	Tiếng Pháp	
182	191	100417	Phạm Lê Phương	Linh	10D09	Nữ	24/04/2009	N4- NN2 TIẾNG PHÁP-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN- NGOẠI NGỮ 2 TIẾNG PHÁP	Tiếng Anh	Tiếng Pháp	
183	192	100440	Võ Hoàng Minh	Long	10A05	Nam	20/02/2009	N3- Tăng cường tiếng Anh-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
184	193	100465	Phạm Lê Anh	Minh	10D01	Nam	11/09/2009	N4- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
185	194	100484	Nguyễn Lê Thảo	My	10A12	Nữ	01/01/2009	N2- Thường-LÝ-HÓA-SINH-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
186	195	100532	Nguyễn Bảo	Ngọc	10A11	Nữ	14/11/2009	N1- NN2 tiếng pháp-LÝ-HÓA-SINH-TIN- NGOẠI NGỮ 2 TIẾNG PHÁP	Tiếng Anh	Tiếng Pháp	
187	196	100548	Chu Hải	Nguyên	10A05	Nam	22/01/2009	N3- Tăng cường tiếng Anh-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
188	197	100557	Nguyễn Thiên	Nhã	10D08	Nữ	22/05/2009	N7- THƯỜNG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- ÂM NHẠC	Tiếng Anh	0	
189	198	100604	Nguyễn Vũ Hồng	Nhung	10D09	Nữ	06/08/2009	N4- NN2 TIẾNG PHÁP-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN- NGOẠI NGỮ 2 TIẾNG PHÁP	Tiếng Anh	Tiếng Pháp	

TT	Số hồ sơ	SBD	Họ và tên		Lớp	GT	Ngày sinh	Tính chất lớp	Ngoại ngữ 1	Ngoại ngữ 2	Ghi chú
190	199	100617	Nguyễn An	Phổ	10A01	Nam	12/07/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
191	200	100637	Nguyễn Hồng	Phúc	10A01	Nam	22/04/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
192	201	100653	Huỳnh Ngọc Trúc	Phương	10D07	Nữ	04/06/2009	N6- THUONG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
193	202	100669	Trần Uyên	Phương	10A07	Nam	14/05/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
194	203	100690	Nguyễn Hoàng Thiên	Quốc	10A02	Nam	19/02/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
195	204	100691	Trương Minh	Quốc	10D09	Nam	08/02/2009	N4- NN2 TIẾNG PHÁP-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN- NGOẠI NGỮ 2 TIẾNG PHÁP	Tiếng Anh	Tiếng Pháp	
196	205	100716	Hồ Việt Minh	Tâm	10D01	Nam	20/02/2009	N4- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
197	206	100770	Nguyễn Thị Anh	Thư	10A08	Nữ	18/05/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
198	207	100788	Nguyễn Triệu Bảo	Tiên	10A10	Nữ	10/05/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
199	208	100819	Lạc Thái Trân	Trân	10A10	Nữ	17/10/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
200	209	100838	Nguyễn Ngọc Minh	Triết	10A13	Nam	25/11/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
201	210	100881	Nguyễn Lưu Khánh	Vân	10D09	Nữ	23/12/2009	N4- NN2 TIẾNG PHÁP-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN- NGOẠI NGỮ 2 TIẾNG PHÁP	Tiếng Anh	Tiếng Pháp	
202	211	100916	Võ Trần Yến	Vy	10A12	Nữ	29/04/2009	N2- Thường-LÝ-HÓA-SINH-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
203	212	100917	Vũ Nhật	Vy	10D09	Nữ	18/03/2009	N4- NN2 TIẾNG PHÁP-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN- NGOẠI NGỮ 2 TIẾNG PHÁP	Tiếng Anh	Tiếng Pháp	
204	213	100950	Lữ Ái Gia	Anh	10A15	Nữ	01/10/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
205	214	100954	Nguyễn Công Nam	Anh	10A10	Nam	17/10/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
206	215	100972	Trần Lê Nhã	Anh	10D05	Nữ	15/10/2009	N4- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
207	216	101003	Nguyễn Hải	Đăng	10A06	Nam	07/01/2009	N3- Tăng cường tiếng Anh-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
208	217	101053	Lê Huỳnh	Hiếu	10A05	Nam	15/01/2009	N3- Tăng cường tiếng Anh-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
209	218	101060	Nguyễn Thị Thanh	Hợp	10D06	Nữ	28/05/2009	N5- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
210	219	101095	Nguyễn Duy	Khang	10A06	Nam	28/02/2009	N3- Tăng cường tiếng Anh-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
211	220	101106	Trần Minh	Khang	10D04	Nam	04/08/2009	N4- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
212	222	101127	Nguyễn Minh	Khôi	10A05	Nam	19/10/2009	N3- Tăng cường tiếng Anh-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
213	223	101178	Nguyễn Tuệ	Minh	10D02	Nữ	06/05/2009	N4- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
214	224	101203	Lê Xuân	Nghi	10A13	Nữ	01/08/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
215	225	101213	Nguyễn Phú	Ngọc	10A01	Nam	13/11/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
216	226	101224	Trần Quang	Nhật	10D02	Nam	05/02/2009	N4- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
217	227	101235	Trương Khả	Nhi	10D06	Nữ	19/12/2009	N5- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
218	228	101243	Trương Lê Minh	Phát	10A01	Nam	27/10/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
219	229	101264	Nguyễn Hoàng Minh	Phương	10D09	Nữ	20/03/2009	N4- NN2 TIẾNG PHÁP-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN- NGOẠI NGỮ 2 TIẾNG PHÁP	Tiếng Anh	Tiếng Pháp	
220	230	101274	Lư Quân	Quang	10A04	Nam	26/09/2009	N2- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
221	231	101278	Diệp Tú	Quỳnh	10D04	Nữ	11/10/2009	N4- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
222	232	101285	Phạm Đăng Nhật	Tài	10D05	Nam	19/01/2009	N4- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
223	233	101295	Nguyễn Ngọc Phương	Tần	10D09	Nữ	23/09/2009	N4- NN2 TIẾNG PHÁP-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN- NGOẠI NGỮ 2 TIẾNG PHÁP	Tiếng Anh	Tiếng Pháp	
224	234	101306	Trần Thị Phương	Thảo	10A01	Nữ	28/03/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
225	235	101315	Trần Nguyễn Ngọc	Thiện	10A14	Nữ	07/02/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
226	236	101322	Lê Anh	Thư	10A04	Nữ	01/03/2009	N2- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
227	237	101334	Nguyễn Ngọc Khánh	Tiên	10D05	Nữ	18/11/2009	N4- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
228	238	101344	Nguyễn Ngọc Bảo	Trâm	10D01	Nữ	05/05/2009	N4- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	

TT	Số hồ sơ	SBD	Họ và tên		Lớp	GT	Ngày sinh	Tính chất lớp	Ngoại ngữ 1	Ngoại ngữ 2	Ghi chú
229	239	101352	Nguyễn Hoàng Trọng	Trí	10A01	Nam	21/10/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
230	240	101366	Nguyễn Anh	Tuấn	10D04	Nam	07/04/2009	N4- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
231	241	101392	Hoàng Nguyễn Tường	Vy	10A16	Nữ	17/08/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
232	242	101411	Lê Thị Hải	Yên	10D04	Nữ	01/04/2009	N4- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
233	243	101420	Lục Kỳ	An	10A03	Nam	14/04/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
234	244	101438	Danh Nguyễn Hoài	Anh	10A07	Nữ	26/08/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
235	245	101468	Nguyễn Phương	Anh	10D08	Nữ	12/01/2009	N7- THƯỜNG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- ÂM NHẠC	Tiếng Anh	0	
236	246	101485	Thái Bảo	Anh	10D03	Nữ	27/06/2009	N6- Tăng cường Tiếng Anh-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
237	247	101486	Trần Đăng Đan	Anh	10D03	Nữ	11/12/2009	N6- Tăng cường Tiếng Anh-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
238	248	101509	Nguyễn Gia	Bảo	10A16	Nam	02/05/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
239	249	101510	Nguyễn Gia	Bảo	10A09	Nam	13/11/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
240	250	101528	Lê Thảo	Châu	10D05	Nữ	22/12/2009	N4- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
241	251	101539	Trần Nguyễn Khánh	Chi	10D01	Nữ	10/10/2009	N4- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
242	252	101563	Phan Ngọc	Diệp	10D02	Nữ	29/10/2009	N4- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
243	253	101564	Phùng Phương	Diệp	10A04	Nữ	06/01/2009	N2- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
244	254	101606	Vương Huy	Giáp	10A10	Nam	02/12/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
245	255	101616	Tăng Thanh	Hà	10D04	Nữ	05/09/2009	N4- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
246	256	101624	Hoàng Gia	Hân	10D04	Nữ	05/03/2009	N4- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
247	257	101667	Lương Trí	Hùng	10A15	Nam	18/12/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
248	258	101668	Phạm	Hùng	10D04	Nam	15/06/2009	N4- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
249	259	101689	Nguyễn Hồ Gia	Huy	10A11	Nam	22/06/2009	N1- NN2 tiếng pháp-LÝ-HÓA-SINH-TIN- NGOẠI NGỮ 2 TIẾNG PHÁP	Tiếng Anh	Tiếng Pháp	
250	260	101693	Nguyễn Thành	Huy	10A04	Nam	31/03/2009	N2- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
251	261	101706	Phan Tuấn	Khải	10A12	Nam	17/03/2009	N2- Thường-LÝ-HÓA-SINH-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
252	262	101728	Đình Dương	Khanh	10D04	Nữ	29/05/2009	N4- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
253	263	101732	Phan Mỹ	Khanh	10A13	Nữ	27/10/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
254	264	101757	Nguyễn Hữu Anh	Khoa	10A01	Nam	28/01/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
255	265	101875	Huỳnh Khánh	Minh	10A01	Nam	10/12/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
256	266	101881	Nguyễn Đức Xuân	Minh	10A01	Nữ	14/01/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
257	267	101885	Nguyễn Nhật	Minh	10A04	Nam	09/08/2009	N2- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
258	268	101887	Nguyễn Tuấn	Minh	10A02	Nam	23/12/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
259	269	101889	Nguyễn Ý	Minh	10D09	Nữ	24/12/2009	N4- NN2 TIẾNG PHÁP-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN- NGOẠI NGỮ 2 TIẾNG PHÁP	Tiếng Anh	Tiếng Pháp	
260	270	101898	Nguyễn Hà	My	10A05	Nữ	08/08/2009	N3- Tăng cường tiếng Anh-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
261	271	101899	Nguyễn Hải	My	10D01	Nữ	11/06/2009	N4- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
262	272	101914	Chieng Siew	Ngân	10D06	Nữ	06/12/2009	N5- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
263	273	101917	Đỗ Trịnh Thanh	Ngân	10D06	Nữ	23/11/2009	N5- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
264	274	101920	Nguyễn Hòa Bảo	Ngân	10A04	Nữ	02/01/2009	N2- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
265	275	101965	Phạm Huỳnh Cao	Nguyên	10A05	Nam	09/01/2009	N3- Tăng cường tiếng Anh-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
266	276	101971	Đình Phương	Nhã	10A12	Nữ	01/10/2009	N2- Thường-LÝ-HÓA-SINH-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
267	277	101976	Nguyễn Nhật Thành	Nhân	10A13	Nam	16/09/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
268	278	101994	Trương Nguyễn Phương	Nhi	10A02	Nữ	02/07/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
269	279	101999	Lê An	Nhiên	10A02	Nữ	21/09/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
270	280	102068	Bùi Nguyễn Minh	Quân	10A08	Nam	24/04/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	

TT	Số hồ sơ	SBD	Họ và tên		Lớp	GT	Ngày sinh	Tính chất lớp	Ngoại ngữ 1	Ngoại ngữ 2	Ghi chú
271	281	102083	Trần Nhật	Quang	10A07	Nam	21/01/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
272	282	102089	Lê Phạm Ngọc	Quỳnh	10A01	Nữ	18/03/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
273	283	102119	Lê Khương Duy	Thăng	10A02	Nam	20/06/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
274	284	102122	Trần Đức	Thăng	10A05	Nam	29/09/2009	N3- Tăng cường tiếng Anh-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
275	285	102153	Nguyễn Thúy Anh	Thư	10A06	Nữ	14/12/2009	N3- Tăng cường tiếng Anh-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
276	286	102223	Lê Trọng	Tú	10A06	Nam	16/11/2009	N3- Tăng cường tiếng Anh-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
277	287	102246	Ngô Lê Thanh	Vân	10D01	Nữ	12/06/2009	N4- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
278	288	102277	Nguyễn Đình Khánh	Vy	10A03	Nữ	20/05/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
279	289	102281	Nguyễn Ngọc Phương	Vy	10A14	Nữ	28/02/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
280	290	102285	Nguyễn Thành An	Vy	10A04	Nữ	19/07/2009	N2- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
281	291	102294	Trần Thị Thanh	Xuân	10D04	Nữ	26/05/2009	N4- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
282	292	102317	Trần Ngọc	Phi	10N	Nữ	03/07/2009	N6- THƯỜNG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	TIẾNG NHẬT	TIẾNG ANH	
283	293	102320	Nguyễn Trúc	Vy	10N	Nữ	07/01/2009	N6- THƯỜNG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	TIẾNG NHẬT	TIẾNG ANH	
284	295	103115	Đặng Ngọc Xuân	Vy	10D08	Nữ	16/01/2009	N7- THƯỜNG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- ÂM NHẠC	Tiếng Anh	0	
285	296	103218	Nguyễn Việt	Chiêu	10A08	Nam	19/05/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
286	297	103494	Nguyễn Ngọc Minh	Quân	10A05	Nam	07/10/2009	N3- Tăng cường tiếng Anh-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
287	298	103738	Đàm Thùy	Chi	10D02	Nữ	16/08/2009	N4- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
288	299	103810	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	10D03	Nữ	09/08/2009	N6- Tăng cường Tiếng Anh-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
289	300	103857	Nguyễn Trường Phúc	Hung	10D04	Nam	02/01/2009	N4- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
290	301	103858	Trần Việt	Hung	10A05	Nam	27/08/2009	N3- Tăng cường tiếng Anh-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
291	302	103887	Võ Huy	Khang	10A07	Nam	05/01/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
292	303	103966	Đặng Bình	Minh	10D04	Nam	11/03/2009	N4- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
293	304	103977	Phạm Hồng	Minh	10D09	Nam	24/11/2009	N4- NN2 TIẾNG PHÁP-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN- NGOẠI NGỮ 2 TIẾNG PHÁP	Tiếng Anh	Tiếng Pháp	
294	305	104173	Vũ Bá Phúc	Thành	10A06	Nam	24/01/2009	N3- Tăng cường tiếng Anh-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
295	307	104230	Huỳnh Gia Bảo	Trần	10D08	Nữ	19/02/2009	N7- THƯỜNG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- ÂM NHẠC	Tiếng Anh	0	
296	308	104249	Phan Minh	Triết	10D04	Nam	05/03/2009	N4- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
297	309	104269	Trần Anh	Tuân	10A05	Nam	03/06/2009	N3- Tăng cường tiếng Anh-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
298	310	104321	Nguyễn Lê Trường	An	10D03	Nam	22/01/2009	N6- Tăng cường Tiếng Anh-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
299	311	104343	Bùi Minh	Anh	10D07	Nữ	23/04/2009	N6- THUONG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
300	312	104351	Đào Duy	Anh	10D06	Nam	21/04/2009	N5- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
301	313	104359	Hồ Ngọc	Anh	10A14	Nữ	09/09/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
302	314	104362	Hoàng Hải	Anh	10A07	Nữ	03/11/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
303	315	104363	Huỳnh Bùi Bảo	Anh	10D02	Nữ	14/12/2009	N4- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
304	316	104375	Lê Nguyễn Minh	Anh	10D09	Nữ	11/08/2009	N4- NN2 TIẾNG PHÁP-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN- NGOẠI NGỮ 2 TIẾNG PHÁP	Tiếng Anh	Tiếng Pháp	
305	317	104404	Nguyễn Trần Hoàng	Anh	10D05	Nữ	03/09/2009	N4- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
306	318	104409	Phạm Lê Quỳnh	Anh	10D03	Nữ	03/06/2009	N6- Tăng cường Tiếng Anh-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
307	319	104412	Phạm Nguyễn Minh	Anh	10A16	Nữ	20/10/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
308	320	104414	Phạm Trâm	Anh	10D06	Nữ	06/11/2009	N5- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
309	321	104416	Phan	Anh	10A07	Nam	30/06/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
310	322	104428	Trương Ngọc Vân	Anh	10A14	Nữ	05/10/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
311	323	104430	Võ Hoàng Bảo	Anh	10D06	Nữ	26/10/2009	N5- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
312	324	104442	Nursalina	Arifine	10D06	Nữ	24/06/2009	N5- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	

TT	Số hồ sơ	SBD	Họ và tên		Lớp	GT	Ngày sinh	Tính chất lớp	Ngoại ngữ 1	Ngoại ngữ 2	Ghi chú
313	325	104443	Nguyễn Hoàng	Bách	10A15	Nam	19/02/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
314	326	104451	Dương Gia	Bảo	10A08	Nam	04/10/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
315	327	104461	Nguyễn Trọng Quốc	Bảo	10A06	Nam	22/04/2009	N3- Tăng cường tiếng Anh-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
316	328	104469	Trương Gia	Bảo	10D06	Nam	04/04/2009	N5- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
317	329	104471	Nguyễn Khánh	Bình	10D06	Nam	13/06/2009	N5- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
318	330	104475	Trần Gia	Cát	10A11	Nam	16/08/2009	N1- NN2 tiếng pháp-LÝ-HÓA-SINH-TIN- NGOẠI NGỮ 2 TIẾNG PHÁP	Tiếng Anh	Tiếng Pháp	
319	331	104476	Đinh Ngọc Minh	Châu	10A10	Nữ	22/12/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
320	332	104501	Nguyễn Mạnh	Cường	10D03	Nam	28/03/2009	N6- Tăng cường Tiếng Anh-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
321	333	104503	Võ Chí	Cường	10A15	Nam	12/07/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
322	334	104514	Huỳnh Công	Danh	10A15	Nam	10/04/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
323	335	104537	Lê Trí	Đức	10A01	Nam	23/08/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
324	336	104549	Lê Trần Anh	Dũng	10A08	Nam	08/01/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
325	337	104566	Nguyễn Đình Nhứt	Duy	10A15	Nam	10/05/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
326	338	104568	Nguyễn Ngọc	Duy	10D02	Nam	30/07/2009	N4- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
327	339	104584	Nguyễn Hoàng Kiều	Giang	10D02	Nữ	21/06/2009	N4- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
328	340	104585	Phan Song	Giang	10A09	Nữ	29/07/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
329	341	104589	Hoàng Nguyễn Ngân	Hà	10A11	Nữ	26/11/2009	N1- NN2 tiếng pháp-LÝ-HÓA-SINH-TIN- NGOẠI NGỮ 2 TIẾNG PHÁP	Tiếng Anh	Tiếng Pháp	
330	342	104590	Ngô Phạm Khánh	Hà	10D09	Nữ	27/10/2009	N4- NN2 TIẾNG PHÁP-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN- NGOẠI NGỮ 2 TIẾNG PHÁP	Tiếng Anh	Tiếng Pháp	
331	343	104601	Huỳnh Hoàng	Hải	10D05	Nam	17/10/2009	N4- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
332	344	104607	Lê Ngọc	Hân	10D05	Nữ	07/09/2009	N4- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
333	345	104614	Nguyễn Hồ Ngọc	Hân	10D07	Nữ	18/11/2009	N6- THUONG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
334	346	104617	Nguyễn Ngọc Gia	Hân	10A10	Nữ	15/12/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
335	347	104618	Nguyễn Thanh Bảo	Hân	10A06	Nữ	31/07/2009	N3- Tăng cường tiếng Anh-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
336	348	104628	Trần Gia	Hân	10D07	Nữ	21/01/2009	N6- THUONG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
337	349	104633	Vũ Nguyễn Kim	Hằng	10A03	Nữ	24/10/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
338	350	104634	Huỳnh Hương Vạn	Hạnh	10A07	Nữ	11/09/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
339	351	104641	Tô Kiên	Hào	10D01	Nam	19/07/2009	N4- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
340	352	104642	Trương Tấn	Hào	10A13	Nam	15/08/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
341	353	104645	Nguy Như Long	Hiền	10A03	Nam	05/03/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
342	354	104651	Huỳnh Trọng	Hiếu	10A05	Nam	03/10/2009	N3- Tăng cường tiếng Anh-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
343	355	104654	Phạm Minh	Hiếu	10A01	Nam	06/10/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
344	356	104655	Phạm Nguyễn Trung	Hiếu	10A12	Nam	12/11/2009	N2- Thường-LÝ-HÓA-SINH-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
345	357	104659	Huỳnh Quang	Hòa	10A11	Nam	05/06/2009	N1- NN2 tiếng pháp-LÝ-HÓA-SINH-TIN- NGOẠI NGỮ 2 TIẾNG PHÁP	Tiếng Anh	Tiếng Pháp	
346	358	104664	Võ Lê Thái	Hòa	10A01	Nam	12/06/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
347	359	104665	Đinh Huy	Hoàng	10A09	Nam	28/02/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
348	360	104671	Võ Ánh	Hồng	10D02	Nữ	20/06/2009	N4- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
349	361	104679	Trương Bá	Hung	10A14	Nam	26/10/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
350	362	104682	Lê Quỳnh	Hương	10A14	Nữ	27/10/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
351	363	104688	Bùi Quốc	Huy	10D05	Nam	28/03/2009	N4- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
352	364	104695	Kiều Bảo	Huy	10D02	Nam	17/01/2009	N4- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	

TT	Số hồ sơ	SBD	Họ và tên		Lớp	GT	Ngày sinh	Tính chất lớp	Ngoại ngữ 1	Ngoại ngữ 2	Ghi chú
353	365	104703	Nguyễn Bùi Gia	Huy	10A15	Nam	08/07/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
354	367	104716	Võ Đức	Huy	10A14	Nam	23/07/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
355	368	104726	Trần Lê Tuấn	Khải	10A16	Nam	11/12/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
356	369	104732	Đặng Bảo	Khang	10A16	Nam	21/05/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
357	370	104733	Đỗ Hữu	Khang	10A14	Nam	29/06/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
358	371	104735	Dương Nguyễn Phú	Khang	10A07	Nam	25/02/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
359	372	104736	Huỳnh Phú Vương	Khang	10A04	Nam	07/08/2009	N2- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
360	373	104737	Huỳnh Quốc	Khang	10A08	Nam	16/11/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
361	374	104739	Lâm Vĩnh	Khang	10A09	Nam	18/06/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
362	375	104743	Nguyễn Diệp Trí	Khang	10A01	Nam	29/04/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
363	376	104746	Nguyễn Lê Duy	Khang	10A05	Nam	18/12/2009	N3- Tăng cường tiếng Anh-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
364	377	104755	Phan Bảo	Khang	10A16	Nam	28/04/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
365	378	104756	Trần Bá	Khang	10A10	Nam	28/11/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
366	379	104760	Trần Vinh	Khang	10D09	Nam	03/12/2009	N4- NN2 TIẾNG PHÁP-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN- NGOẠI NGỮ 2 TIẾNG PHÁP	Tiếng Anh	Tiếng Pháp	
367	380	104770	Hà Lê	Khánh	10D07	Nữ	17/01/2009	N6- THUONG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
368	381	104777	Nguyễn Đức Bảo	Khánh	10A15	Nam	09/12/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
369	382	104784	Trần Gia	Khánh	10D02	Nam	07/06/2009	N4- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
370	383	104791	Đặng Gia	Khiêm	10A11	Nam	04/11/2009	N1- NN2 tiếng pháp-LÝ-HÓA-SINH-TIN- NGOẠI NGỮ 2 TIẾNG PHÁP	Tiếng Anh	Tiếng Pháp	
371	384	104794	Đặng Nguyên	Khoa	10A13	Nam	05/01/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
372	385	104796	Đào Xuân Trọng	Khoa	10D05	Nam	19/05/2009	N4- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
373	386	104797	Đỗ Anh	Khoa	10A16	Nam	12/08/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
374	387	104810	Phan Anh	Khoa	10A01	Nam	29/05/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
375	388	104815	Trần Minh	Khoa	10A13	Nam	28/11/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
376	389	104817	Trịnh Đăng	Khoa	10A14	Nam	13/12/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
377	390	104818	Vũ Minh	Khoa	10A11	Nam	17/07/2009	N1- NN2 tiếng pháp-LÝ-HÓA-SINH-TIN- NGOẠI NGỮ 2 TIẾNG PHÁP	Tiếng Anh	Tiếng Pháp	
378	391	104845	Trần Anh	Khôi	10D03	Nam	03/01/2009	N6- Tăng cường Tiếng Anh-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
379	392	104865	Phạm Phú	Kiệt	10A10	Nam	12/06/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
380	393	104867	Trần Anh	Kiệt	10D03	Nam	03/01/2009	N6- Tăng cường Tiếng Anh-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
381	394	104872	Lê Phạm Hoàng	Kim	10A03	Nữ	23/08/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
382	395	104874	Phạm Vũ Thiên	Kim	10A12	Nữ	24/07/2009	N2- Thường-LÝ-HÓA-SINH-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
383	396	104875	Trần Hoàng Mỹ	Kim	10A12	Nữ	21/12/2009	N2- Thường-LÝ-HÓA-SINH-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
384	397	104881	Ngô Gia	Kỳ	10D06	Nữ	01/08/2009	N5- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
385	398	104890	Bùi Nguyễn Hoàng	Lâm	10A07	Nam	14/10/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
386	399	104891	Đỗ Thanh	Lâm	10A15	Nam	17/08/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
387	400	104902	Mai Lê Quang	Lân	10A13	Nam	18/11/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
388	401	104906	Đào Hoàng	Linh	10A09	Nữ	12/11/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
389	402	104909	Hứa Đào Gia	Linh	10A09	Nữ	04/08/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
390	403	104911	Lê Huỳnh Kỳ	Linh	10A06	Nữ	17/09/2009	N3- Tăng cường tiếng Anh-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
391	404	104913	Mai Lê Khánh	Linh	10A09	Nữ	23/04/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
392	405	104917	Nguyễn Hoàng Thùy	Linh	10D08	Nữ	08/07/2009	N7- THƯỜNG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- ÂM NHẠC	Tiếng Anh	0	
393	406	104935	Vũ Khánh	Linh	10D01	Nữ	03/12/2009	N4- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	

TT	Số hồ sơ	SBD	Họ và tên		Lớp	GT	Ngày sinh	Tính chất lớp	Ngoại ngữ 1	Ngoại ngữ 2	Ghi chú
394	407	104939	Lê Vĩnh	Lộc	10D01	Nam	06/10/2009	N4- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
395	408	104946	Đỗ Tùng	Long	10D02	Nam	09/05/2009	N4- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
396	409	104948	Dương Ngọc Bảo	Long	10D09	Nam	14/04/2009	N4- NN2 TIẾNG PHÁP-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN- NGOẠI NGỮ 2 TIẾNG PHÁP	Tiếng Anh	Tiếng Pháp	
397	410	104954	Lý Hiền	Long	10A07	Nam	25/06/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
398	411	104969	Vũ Việt	Long	10D07	Nam	18/12/2009	N6- THUONG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
399	412	104980	Võ Hoàng Thanh	Mai	10D06	Nữ	05/01/2009	N5- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
400	413	104987	Đinh Ngọc	Minh	10A13	Nữ	12/05/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
401	414	104990	Đông Hoàng	Minh	10A07	Nam	14/09/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
402	415	104994	Lê Quốc	Minh	10D05	Nam	01/03/2009	N4- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
403	416	104995	Lưu Gia	Minh	10A09	Nam	27/07/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
404	417	104997	Nguyễn Công	Minh	10D04	Nam	08/09/2009	N4- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
405	418	104999	Nguyễn Hồng Thùy	Minh	10D02	Nữ	12/08/2009	N4- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
406	419	105007	Phạm Lê	Minh	10A16	Nam	08/11/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
407	420	105014	Trần Ngọc Ánh	Minh	10A07	Nữ	19/03/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
408	421	105024	Phạm Thanh Hà	My	10D07	Nữ	19/11/2009	N6- THUONG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
409	422	105033	Đỗ Hoàng	Nam	10A13	Nam	30/01/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
410	423	105037	Lê Nhật	Nam	10A14	Nam	20/02/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
411	424	105039	Nguyễn Bảo	Nam	10A14	Nam	25/09/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
412	425	105041	Nguyễn Đức	Nam	10D06	Nam	05/10/2009	N5- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
413	426	105043	Nguyễn Phương	Nam	10A02	Nam	06/03/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
414	427	105047	Trần Hoàng	Nam	10D06	Nam	16/04/2009	N5- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
415	428	105050	Nguyễn Ngọc	Nga	10A10	Nữ	11/12/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
416	429	105051	Nguyễn Ngọc Thy	Nga	10D09	Nữ	14/03/2009	N4- NN2 TIẾNG PHÁP-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN- NGOẠI NGỮ 2 TIẾNG PHÁP	Tiếng Anh	Tiếng Pháp	
417	430	105052	Phạm Thị Thu	Nga	10D06	Nữ	02/08/2009	N5- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
418	431	105054	Đặng Trần Bảo	Ngân	10D06	Nữ	14/03/2009	N5- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
419	432	105055	Đỗ Hoàng Bảo	Ngân	10D03	Nữ	12/09/2009	N6- Tăng cường Tiếng Anh-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
420	433	105056	Dương Nguyễn Kim	Ngân	10A12	Nữ	27/09/2009	N2- Thường-LÝ-HÓA-SINH-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
421	434	105065	Nguyễn Trần Tuyết	Ngân	10D04	Nữ	07/02/2009	N4- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
422	435	105068	Trần Hoàng Kim	Ngân	10D02	Nữ	03/08/2009	N4- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
423	436	105073	Vũ Thanh	Ngân	10D07	Nữ	18/06/2009	N6- THUONG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
424	437	105080	Huỳnh Ngọc Phương	Nghi	10D02	Nữ	28/04/2009	N4- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
425	438	105085	Lê Ngọc Phương	Nghi	10A05	Nữ	10/08/2009	N3- Tăng cường tiếng Anh-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
426	439	105091	Nguyễn Hoàng Bảo	Nghi	10D07	Nữ	10/05/2009	N6- THUONG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
427	440	105098	Phạm Thái Bảo	Nghi	10D08	Nữ	28/04/2009	N7- THƯỜNG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- ÂM NHẠC	Tiếng Anh	0	
428	441	105120	Nguyễn Kim	Ngọc	10D05	Nữ	16/01/2009	N4- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
429	442	105123	Nguyễn Phạm Ánh	Ngọc	10D08	Nữ	30/04/2009	N7- THƯỜNG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- ÂM NHẠC	Tiếng Anh	0	
430	443	105125	Nguyễn Vương Bảo	Ngọc	10A12	Nữ	12/05/2009	N2- Thường-LÝ-HÓA-SINH-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
431	444	105126	Phạm Minh	Ngọc	10A08	Nữ	18/07/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
432	445	105140	Tạ Dương	Ngôn	10A03	Nam	16/01/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
433	446	105142	Bùi Nguyễn Hữu	Nguyên	10A14	Nam	25/12/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
434	447	105144	Cao Phan Khang	Nguyên	10A13	Nam	14/07/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
435	448	105149	Lê Thảo	Nguyên	10D04	Nữ	17/04/2009	N4- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	

TT	Số hồ sơ	SBD	Họ và tên		Lớp	GT	Ngày sinh	Tính chất lớp	Ngoại ngữ 1	Ngoại ngữ 2	Ghi chú
436	449	105153	Nguyễn Thế Khôi	Nguyên	10A11	Nam	11/01/2009	N1- NN2 tiếng pháp-LÝ-HÓA-SINH-TIN- NGOẠI NGỮ 2 TIẾNG PHÁP	Tiếng Anh	Tiếng Pháp	
437	450	105162	Nguyễn Đỗ Thanh	Nhân	10D02	Nữ	24/12/2009	N4- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
438	451	105163	Chung Học	Nhân	10A01	Nam	09/10/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
439	452	105165	Nguyễn Cao	Nhân	10D02	Nam	27/02/2009	N4- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
440	453	105171	Huỳnh Võ Thiên	Nhật	10D04	Nam	07/01/2009	N4- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
441	454	105175	Dương Tuệ	Nhi	10D08	Nữ	24/12/2009	N7- THƯỜNG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- ÂM NHẠC	Tiếng Anh	0	
442	455	105178	Huỳnh Thanh Ân	Nhi	10D01	Nữ	19/10/2009	N4- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
443	456	105202	Lâm Gia	Như	10D02	Nữ	03/12/2009	N4- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
444	457	105211	Phan Ngọc Tâm	Như	10A04	Nữ	02/09/2009	N2- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
445	458	105213	Trần Vĩnh	Như	10A01	Nữ	16/06/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
446	459	105216	Nguyễn Duy	Niệm	10A04	Nữ	10/03/2009	N2- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
447	460	105226	Tạ Huỳnh Minh	Phát	10A09	Nam	30/04/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
448	461	105227	Nguyễn Phi	Phi	10D08	Nữ	03/05/2009	N7- THƯỜNG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- ÂM NHẠC	Tiếng Anh	0	
449	462	105243	Phạm Minh	Phú	10A16	Nam	17/01/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
450	463	105256	Lưu Gia	Phúc	10D05	Nam	22/08/2009	N4- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
451	464	105258	Nguyễn Hoàng	Phúc	10A14	Nam	07/11/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
452	465	105261	Nguyễn Phan Hồng	Phúc	10A10	Nam	05/10/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
453	466	105264	Phan Nguyễn Thiên	Phúc	10A01	Nữ	13/05/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
454	467	105275	Bùi Nguyễn Nam	Phương	10D01	Nữ	13/10/2009	N4- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
455	468	105279	Hứa Tuệ	Phương	10A10	Nữ	04/04/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
456	469	105285	Nguyễn Hoàng Minh	Phương	10A09	Nữ	01/07/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
457	470	105297	Võ Ngọc Nam	Phương	10D06	Nữ	24/07/2009	N5- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
458	471	105302	Đặng Minh	Quân	10A04	Nam	22/11/2009	N2- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
459	472	105306	Hoàng Minh	Quân	10A15	Nam	19/05/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
460	473	105310	Lý Tú Bảo	Quân	10D05	Nam	10/10/2009	N4- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
461	474	105320	Triệu Thiên	Quân	10A13	Nam	18/11/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
462	475	105329	Nguyễn Tài Phú	Quang	10A12	Nam	04/11/2009	N2- Thường-LÝ-HÓA-SINH-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
463	476	105335	Trịnh Hữu	Quốc	10A12	Nam	23/05/2009	N2- Thường-LÝ-HÓA-SINH-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
464	477	105336	Văn Tân	Quý	10A10	Nam	16/03/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
465	478	105339	Cao Lê Trúc	Quỳnh	10A08	Nữ	28/06/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
466	479	105362	Phạm Châu Tuấn	Tài	10D08	Nam	05/06/2009	N7- THƯỜNG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- ÂM NHẠC	Tiếng Anh	0	
467	480	105364	Hồ Chi	Tâm	10D07	Nữ	31/01/2009	N6- THUONG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
468	481	105366	Nguyễn Ngọc Hồng	Tâm	10A05	Nữ	05/05/2009	N3- Tăng cường tiếng Anh-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
469	482	105368	Nguyễn Ngọc Thanh	Tâm	10A07	Nữ	12/07/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
470	484	105374	Chiêm Nguyễn Thiên	Tấn	10D02	Nam	08/02/2009	N4- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
471	485	105382	Huỳnh Kim Phương	Thanh	10D07	Nữ	08/09/2009	N6- THUONG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
472	486	105387	Trương Hoàng Yên	Thanh	10A12	Nữ	02/04/2009	N2- Thường-LÝ-HÓA-SINH-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
473	487	105388	Võ Nguyễn Mai	Thanh	10D08	Nữ	23/11/2009	N7- THƯỜNG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- ÂM NHẠC	Tiếng Anh	0	
474	488	105404	Trần Mai Phương	Thảo	10D04	Nữ	27/04/2009	N4- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
475	489	105405	Trần Thanh	Thảo	10A14	Nữ	06/03/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
476	490	105406	Vũ Huỳnh Yên	Thảo	10A03	Nữ	21/08/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
477	491	105410	Đặng Nguyễn Thanh	Thiên	10A16	Nam	13/04/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
478	492	105413	Nguyễn Nhật Bảo	Thiên	10A16	Nam	14/05/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	

TT	Số hồ sơ	SBD	Họ và tên		Lớp	GT	Ngày sinh	Tính chất lớp	Ngoại ngữ 1	Ngoại ngữ 2	Ghi chú
479	493	105418	Nguyễn Hoàng	Thiện	10D03	Nam	02/01/2009	N6- Tăng cường Tiếng Anh-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
480	494	105427	Phạm Đức	Thịnh	10A03	Nam	25/08/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
481	495	105435	Nguyễn Duy	Thông	10A16	Nam	17/11/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
482	496	105438	Trần Đình	Thông	10A05	Nam	18/12/2009	N3- Tăng cường tiếng Anh-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
483	497	105454	Nguyễn Hoàng Song	Thư	10A11	Nữ	05/10/2009	N1- NN2 tiếng pháp-LÝ-HÓA-SINH-TIN- NGOẠI NGỮ 2 TIẾNG PHÁP	Tiếng Anh	Tiếng Pháp	
484	498	105455	Nguyễn Minh	Thư	10A09	Nữ	14/02/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
485	499	105460	Nguyễn Thiên	Thư	10A10	Nữ	12/10/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
486	500	105469	Huỳnh Hiếu	Thuận	10A02	Nam	17/09/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
487	501	105490	Trịnh Nguyễn Anh	Thy	10A01	Nữ	13/09/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
488	502	105495	Nguyễn Hiệp Thùy	Tiên	10A11	Nữ	28/02/2009	N1- NN2 tiếng pháp-LÝ-HÓA-SINH-TIN- NGOẠI NGỮ 2 TIẾNG PHÁP	Tiếng Anh	Tiếng Pháp	
489	503	105500	Nguyễn Trung	Tiến	10A08	Nam	15/07/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
490	504	105503	Chữ Quốc	Tín	10A05	Nam	27/03/2009	N3- Tăng cường tiếng Anh-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
491	505	105514	Huỳnh Bảo Ngọc	Trần	10D06	Nữ	21/02/2009	N5- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
492	506	105528	Lý Ngọc Phương	Trang	10A10	Nữ	23/10/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
493	507	105531	Nguyễn Đức	Trí	10A07	Nam	13/06/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
494	508	105537	Võ Minh	Trí	10A16	Nam	13/11/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
495	509	105538	Võ Minh	Trí	10A10	Nam	26/10/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
496	510	105545	Đinh Ngọc Thanh	Trúc	10A15	Nữ	15/02/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
497	511	105549	Nguyễn Ngọc Thanh	Trúc	10A12	Nữ	25/03/2009	N2- Thường-LÝ-HÓA-SINH-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
498	512	105560	Trịnh Thảo	Trung	10D05	Nam	04/11/2009	N4- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
499	513	105568	Đỗ Thanh	Tuấn	10A06	Nam	15/10/2009	N3- Tăng cường tiếng Anh-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
500	514	105575	Nguyễn Cát	Tường	10A15	Nam	26/05/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
501	515	105580	Trương Minh	Tuyết	10A08	Nữ	06/08/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
502	516	105584	Lê Hoàng Phương	Uyên	10D05	Nữ	24/09/2009	N4- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
503	517	105588	Phạm Di	Uyên	10A04	Nữ	06/09/2009	N2- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
504	518	105596	Dương Thanh	Vân	10A14	Nữ	01/03/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
505	519	105606	Vương Vỹ	Văn	10A07	Nam	02/01/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
506	520	105609	Đào Chí	Vĩ	10D06	Nam	11/07/2009	N5- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
507	521	105632	Hồ Đặng Tường	Vy	10A12	Nữ	26/01/2009	N2- Thường-LÝ-HÓA-SINH-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
508	522	105633	Lâm Kiều Phương	Vy	10A14	Nữ	21/09/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
509	523	105637	Mai Ngọc Huyền	Vy	10D06	Nữ	05/03/2009	N5- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
510	524	105640	Nguyễn Hồng Khánh	Vy	10D09	Nữ	12/06/2009	N4- NN2 TIẾNG PHÁP-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN- NGOẠI NGỮ 2 TIẾNG PHÁP	Tiếng Anh	Tiếng Pháp	
511	525	105649	Nguyễn Tùng	Vy	10D06	Nữ	15/05/2009	N5- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
512	526	105651	Nguyễn Tường	Vy	10A16	Nữ	03/08/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
513	527	105656	Trần Gia	Vy	10A14	Nữ	06/12/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
514	528	105659	Trần Nguyễn Phương	Vy	10A16	Nữ	19/03/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
515	529	105664	Nguyễn Trần Thanh	Xuân	10D02	Nữ	14/01/2009	N4- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
516	530	105665	Bùi Ngọc Như	Ý	10A08	Nữ	10/05/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
517	531	105677	Bùi Đặng Khánh	Chi	10N	Nữ	31/10/2009	N6- THƯỜNG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	TIẾNG NHẬT	TIẾNG ANH	
518	532	105681	Lâm Gia	Huy	10N	Nam	16/12/2009	N6- THƯỜNG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	TIẾNG NHẬT	TIẾNG ANH	
519	533	105682	Nguyễn Gia	Huy	10N	Nam	11/11/2009	N6- THƯỜNG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	TIẾNG NHẬT	TIẾNG ANH	

TT	Số hồ sơ	SBD	Họ và tên		Lớp	GT	Ngày sinh	Tính chất lớp	Ngoại ngữ 1	Ngoại ngữ 2	Ghi chú
520	534	105684	Phan Anh	Khoa	10N	Nam	02/07/2009	N6- THƯỜNG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	TIẾNG NHẬT	TIẾNG ANH	
521	535	105686	Trần Phúc	Minh	10N	Nam	15/08/2009	N6- THƯỜNG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	TIẾNG NHẬT	TIẾNG ANH	
522	536	105687	Trịnh Thanh	Minh	10N	Nam	31/12/2009	N6- THƯỜNG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	TIẾNG NHẬT	TIẾNG ANH	
523	537	105688	Đoàn Mai Bích	Ngọc	10N	Nữ	24/03/2009	N6- THƯỜNG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	TIẾNG NHẬT	TIẾNG ANH	
524	538	105743	Hoàng Khánh	An	10D07	Nữ	30/03/2009	N6- THUONG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
525	539	105744	Lê Ngọc Khánh	An	10A02	Nữ	14/03/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
526	540	105745	Lưu Kiến	An	10A15	Nam	01/02/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
527	541	105746	Nguyễn Bá Thuận	An	10D05	Nam	03/04/2009	N4- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
528	542	105747	Nguyễn Hoàng	An	10A07	Nam	15/06/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
529	543	105751	Nguyễn Quốc	An	10D07	Nam	24/11/2009	N6- THUONG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
530	544	105752	Nguyễn Thái Gia	An	10A09	Nữ	10/05/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
531	545	105757	Trần Châu Khánh	An	10A05	Nam	27/09/2009	N3- Tăng cường tiếng Anh-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
532	546	105767	Nguyễn Đức Hoàng	Ấn	10A16	Nam	03/02/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
533	547	105768	Nguyễn Hồng	Ấn	10A02	Nữ	15/09/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
534	548	105786	Chu Võ Vy	Anh	10A02	Nữ	08/09/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
535	549	105788	Hồ Nam	Anh	10A12	Nam	29/11/2009	N2- Thường-LÝ-HÓA-SINH-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
536	550	105799	Lê Nguyễn Kim	Anh	10A16	Nữ	21/03/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
537	551	105800	Lê Nguyễn Minh	Anh	10A04	Nữ	21/09/2009	N2- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
538	552	105807	Ngô Ngọc Trâm	Anh	10D09	Nữ	16/01/2009	N4- NN2 TIẾNG PHÁP-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN- NGOẠI NGỮ 2 TIẾNG PHÁP	Tiếng Anh	Tiếng Pháp	
539	553	105816	Nguyễn Huỳnh Minh	Anh	10A12	Nữ	17/06/2009	N2- Thường-LÝ-HÓA-SINH-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
540	554	105821	Nguyễn Linh	Anh	10A12	Nữ	18/01/2009	N2- Thường-LÝ-HÓA-SINH-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
541	555	105831	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	10A10	Nữ	26/10/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
542	556	105836	Nguyễn Trung	Anh	10A09	Nam	24/11/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
543	557	105841	Phạm Ngọc Trâm	Anh	10D02	Nữ	02/04/2009	N4- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
544	558	105848	Phan Nhật	Anh	10A02	Nam	16/08/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
545	559	105853	Tôn Nữ Quỳnh	Anh	10A10	Nữ	17/11/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
546	560	105854	Trần Đức	Anh	10A09	Nam	17/05/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
547	561	105860	Võ Bảo Tường	Anh	10A01	Nữ	30/09/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
548	562	105870	Đỗ Gia	Bảo	10A07	Nam	01/08/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
549	563	105877	Mai Quốc	Bảo	10A11	Nam	28/08/2009	N1- NN2 tiếng pháp-LÝ-HÓA-SINH-TIN- NGOẠI NGỮ 2 TIẾNG PHÁP	Tiếng Anh	Tiếng Pháp	
550	564	105887	Trần Hoàng Gia	Bảo	10A08	Nam	23/08/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
551	565	105892	Phạm Nguyễn Quế	Châm	10D03	Nữ	28/11/2009	N6- Tăng cường Tiếng Anh-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
552	566	105904	Trần Thùy	Chi	10A10	Nữ	22/10/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
553	567	105905	Chu Bảo	Chính	10A12	Nam	20/12/2009	N2- Thường-LÝ-HÓA-SINH-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
554	568	105907	Nguyễn Chí	Công	10A01	Nam	06/02/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
555	569	105908	Nguyễn Chí	Công	10A03	Nam	30/06/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
556	570	105911	Hà Nguyên	Đại	10A11	Nam	19/03/2009	N1- NN2 tiếng pháp-LÝ-HÓA-SINH-TIN- NGOẠI NGỮ 2 TIẾNG PHÁP	Tiếng Anh	Tiếng Pháp	
557	571	105916	Võ Ngọc Linh	Đan	10A03	Nữ	26/12/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
558	572	105938	Phùng Lê Ngọc	Diệp	10A05	Nữ	22/01/2009	N3- Tăng cường tiếng Anh-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
559	573	105939	Hồ Hoàng	Diệu	10D05	Nữ	17/04/2009	N4- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
560	574	105942	Lâm Thục	Đoan	10D03	Nữ	02/10/2009	N6- Tăng cường Tiếng Anh-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	

TT	Số hồ sơ	SBD	Họ và tên		Lớp	GT	Ngày sinh	Tính chất lớp	Ngoại ngữ 1	Ngoại ngữ 2	Ghi chú
561	575	105947	Lê Anh	Đức	10A08	Nam	27/10/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
562	576	105950	Nguyễn Thanh Minh	Đức	10D02	Nam	18/07/2009	N4- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
563	577	105955	Đặng Thành	Dũng	10D09	Nam	02/03/2009	N4- NN2 TIẾNG PHÁP-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN- NGOẠI NGỮ 2 TIẾNG PHÁP	Tiếng Anh	Tiếng Pháp	
564	578	105958	Ngô Minh	Dũng	10A07	Nam	13/06/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
565	579	105966	Huỳnh Anh	Duy	10D01	Nam	22/01/2009	N4- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
566	580	105967	Khương Minh	Duy	10A04	Nam	04/01/2009	N2- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
567	581	105968	Lê Bá Khánh	Duy	10A14	Nam	03/06/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
568	582	105977	Vũ Cao Kỳ	Duyên	10A12	Nữ	05/08/2009	N2- Thường-LÝ-HÓA-SINH-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
569	583	105981	Phùng Nguyễn Hương	Giang	10D05	Nữ	27/08/2009	N4- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
570	584	105982	Hồ Ngọc	Hà	10A08	Nữ	14/10/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
571	585	105984	Lê Nguyễn Minh	Hà	10A05	Nữ	03/05/2009	N3- Tăng cường tiếng Anh-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
572	586	105987	Phạm Ngọc Khánh	Hà	10A12	Nữ	12/10/2009	N2- Thường-LÝ-HÓA-SINH-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
573	587	105998	Hà Lý Gia	Hân	10A10	Nữ	15/06/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
574	588	106029	Trương Thanh	Hằng	10D06	Nữ	27/09/2009	N5- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
575	589	106037	Nguyễn Trần Như	Hiên	10D01	Nữ	15/04/2009	N4- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
576	590	106044	Nguyễn Trọng	Hiếu	10A06	Nam	07/02/2009	N3- Tăng cường tiếng Anh-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
577	591	106056	Nguyễn Huy	Hoàng	10A03	Nam	12/03/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
578	592	106071	Phạm Quang	Hung	10A13	Nam	19/11/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
579	593	106072	Trần Tuấn	Hung	10A06	Nam	03/09/2009	N3- Tăng cường tiếng Anh-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
580	594	106091	Nguyễn Cửu	Huy	10A14	Nam	04/12/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
581	595	106094	Nguyễn Quốc	Huy	10A05	Nam	09/02/2009	N3- Tăng cường tiếng Anh-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
582	596	106098	Phan Anh	Huy	10A03	Nam	11/10/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
583	597	106108	Đỗ Nguyên	Khang	10A11	Nam	16/10/2009	N1- NN2 tiếng pháp-LÝ-HÓA-SINH-TIN- NGOẠI NGỮ 2 TIẾNG PHÁP	Tiếng Anh	Tiếng Pháp	
584	598	106139	Lê Gia	Khánh	10A15	Nữ	10/10/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
585	599	106141	Nguyễn Đăng	Khánh	10A07	Nam	29/10/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
586	600	106150	Phạm Nguyễn Gia	Khiêm	10A10	Nam	09/02/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
587	601	106158	Ngô Hoàng Minh	Khoa	10A07	Nam	25/12/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
588	602	106160	Nguyễn Anh	Khoa	10A14	Nam	02/04/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
589	603	106163	Nguyễn Hồ Đăng	Khoa	10A16	Nam	12/09/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
590	604	106166	Phạm Bảo	Khoa	10A09	Nam	16/03/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
591	605	106167	Phạm Đăng	Khoa	10A08	Nam	21/04/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
592	606	106171	Trịnh Lê Nguyên	Khoa	10A10	Nam	31/07/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
593	607	106175	Đỗ Tiến Minh	Khôi	10D08	Nam	25/05/2009	N7- THƯỜNG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- ÂM NHẠC	Tiếng Anh	0	
594	608	106176	Lê Đăng	Khôi	10A15	Nam	23/11/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
595	609	106177	Lê Hồ Bảo	Khôi	10D04	Nam	08/05/2009	N4- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
596	610	106182	Ngô Hoàng Anh	Khôi	10A13	Nam	24/11/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
597	611	106184	Nguyễn Đăng	Khôi	10A12	Nam	14/09/2009	N2- Thường-LÝ-HÓA-SINH-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
598	612	106186	Nguyễn Lê	Khôi	10D06	Nam	26/06/2009	N5- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
599	613	106199	Võ Ngọc	Khuê	10A09	Nữ	24/01/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
600	614	106201	Nguyễn Trần Lâm	Khương	10A13	Nam	09/07/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
601	615	106208	Ngô Tuấn	Kiệt	10A03	Nam	02/03/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
602	616	106210	Nguyễn Tuấn	Kiệt	10D05	Nam	15/07/2009	N4- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	

TT	Số hồ sơ	SBD	Họ và tên		Lớp	GT	Ngày sinh	Tính chất lớp	Ngoại ngữ 1	Ngoại ngữ 2	Ghi chú
603	617	106215	Lê Nguyễn Hoàng	Kim	10D03	Nữ	31/01/2009	N6- Tăng cường Tiếng Anh-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
604	618	106218	Ky Phương	Kỳ	10D02	Nữ	13/12/2009	N4- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
605	619	106223	Phạm Gia	Lạc	10D04	Nam	02/02/2009	N4- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
606	620	106227	Lê Tùng	Lâm	10A08	Nam	05/02/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
607	621	106228	Ngô Tùng	Lâm	10A07	Nam	29/03/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
608	622	106232	Nguyễn Thành	Lâm	10A14	Nam	18/07/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
609	623	106236	Võ Hoàng	Lâm	10D03	Nam	09/03/2009	N6- Tăng cường Tiếng Anh-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
610	624	106239	Lê Nhã	Lan	10A13	Nữ	17/08/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
611	625	106247	Ksor Lê Ái	Linh	10A11	Nữ	30/04/2009	N1- NN2 tiếng pháp-LÝ-HÓA-SINH-TIN- NGOẠI NGỮ 2 TIẾNG PHÁP	Tiếng Anh	Tiếng Pháp	
612	626	106261	Bùi Thiên	Lộc	10A16	Nam	26/08/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
613	627	106262	Lê Hoàng Đức	Lộc	10A10	Nam	12/08/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
614	628	106264	Nguyễn Đình	Lộc	10A16	Nam	16/06/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
615	629	106266	Trần Tiến	Lợi	10A08	Nam	20/09/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
616	630	106277	Trương Nhật	Long	10D02	Nam	08/12/2009	N4- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
617	631	106286	Nguyễn Vũ Quỳnh	Mai	10A16	Nữ	12/05/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
618	632	106291	Ôn Tuệ	Mẫn	10A13	Nữ	29/09/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
619	633	106302	Đình Quang	Minh	10A08	Nam	13/09/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
620	634	106308	Hồ Quang	Minh	10A08	Nam	28/06/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
621	635	106331	Vũ Gia	Minh	10D07	Nam	20/03/2009	N6- THUONG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
622	636	106334	Đàm Ngọc Hạ	My	10D05	Nữ	30/06/2009	N4- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
623	637	106335	Hàng Khánh	My	10D09	Nữ	25/02/2009	N4- NN2 TIẾNG PHÁP-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN- NGOẠI NGỮ 2 TIẾNG PHÁP	Tiếng Anh	Tiếng Pháp	
624	638	106339	Lê Ngọc Trà	My	10A09	Nữ	05/01/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
625	639	106351	Dương Hoàng	Nam	10A13	Nam	28/03/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
626	640	106356	Nguyễn Nhật	Nam	10D04	Nam	17/03/2009	N4- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
627	641	106357	Nguyễn Trung	Nam	10A02	Nam	15/06/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
628	642	106358	Trần Đỗ Bảo	Nam	10A15	Nam	28/08/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
629	643	106365	Nguyễn Du Khánh	Ngân	10A13	Nữ	01/10/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
630	644	106366	Nguyễn Hoàng Kim	Ngân	10A10	Nữ	23/07/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
631	645	106367	Nguyễn Phan Kim	Ngân	10D07	Nữ	03/01/2009	N6- THUONG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
632	646	106397	Đặng Khánh	Ngọc	10A02	Nữ	08/03/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
633	647	106409	Nguyễn Hoàng Yến	Ngọc	10D01	Nữ	26/06/2009	N4- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
634	648	106411	Nguyễn Khánh	Ngọc	10D03	Nữ	20/02/2009	N6- Tăng cường Tiếng Anh-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
635	649	106432	Nguyễn Hoàng	Nguyên	10A10	Nam	21/05/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
636	650	106433	Nguyễn Hoàng Khôi	Nguyên	10D08	Nam	22/09/2009	N7- THƯỜNG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- ÂM NHẠC	Tiếng Anh	0	
637	651	106445	Đỗ Thành	Nhân	10A14	Nam	10/11/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
638	652	106453	Lê Hoàng Minh	Nhật	10A11	Nam	09/06/2009	N1- NN2 tiếng pháp-LÝ-HÓA-SINH-TIN- NGOẠI NGỮ 2 TIẾNG PHÁP	Tiếng Anh	Tiếng Pháp	
639	653	106458	Bùi Ngọc Uyên	Nhi	10A16	Nữ	29/09/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
640	654	106468	Mai Thị Yến	Nhi	10A13	Nữ	26/09/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
641	655	106480	Trần Nguyễn Hoàng	Nhi	10A12	Nữ	31/08/2009	N2- Thường-LÝ-HÓA-SINH-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
642	656	106485	Văn Công	Nhiên	10A06	Nam	02/06/2009	N3- Tăng cường tiếng Anh-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
643	657	106494	Nguyễn Lâm Yến	Như	10A14	Nữ	08/06/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	

TT	Số hồ sơ	SBD	Họ và tên		Lớp	GT	Ngày sinh	Tính chất lớp	Ngoại ngữ 1	Ngoại ngữ 2	Ghi chú
644	658	106536	Hoàng Đăng	Phúc	10A03	Nam	20/08/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
645	659	106545	Ngô Đình Gia	Phúc	10A06	Nam	06/10/2009	N3- Tăng cường tiếng Anh-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
646	660	106546	Nguyễn An Thiên	Phúc	10A04	Nam	24/01/2009	N2- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
647	661	106550	Nguyễn Lê Đông	Phúc	10D04	Nữ	06/12/2009	N4- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
648	662	106556	Nguyễn Trần Minh	Phúc	10A14	Nam	30/04/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
649	663	106558	Nguyễn Trọng	Phúc	10A03	Nam	23/07/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
650	664	106559	Phạm Hoàng	Phúc	10A13	Nam	23/01/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
651	665	106582	Nguyễn Đức Hồng	Phương	10D02	Nữ	01/01/2009	N4- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
652	666	106588	Phạm Anh	Phương	10A09	Nam	13/08/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
653	667	106589	Phạm Ngọc Bảo	Phương	10A07	Nữ	18/06/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
654	668	106591	Trần Ngọc Khánh	Phương	10A15	Nữ	01/06/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
655	669	106592	Trần Phạm Minh	Phương	10A09	Nữ	09/12/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
656	670	106598	Giang Khánh	Quân	10D02	Nam	01/02/2009	N4- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
657	671	106610	Trần Tường	Quân	10A06	Nam	01/09/2009	N3- Tăng cường tiếng Anh-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
658	672	106612	Trần Công Minh	Quang	10A16	Nam	27/03/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
659	673	106616	Nguyễn Xuân	Quý	10A15	Nam	07/12/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
660	674	106626	Phan Bảo	Quỳnh	10A07	Nữ	24/04/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
661	675	106630	Nguyễn Hoàng Phước	Sang	10A15	Nam	08/04/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
662	676	106635	Lê Thành	Son	10A10	Nam	31/10/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
663	677	106636	Phạm Ngọc Thái	Son	10A05	Nam	26/10/2009	N3- Tăng cường tiếng Anh-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
664	678	106638	Vũ Thái	Son	10A09	Nam	25/12/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
665	679	106645	Huỳnh Thảo	Tâm	10A03	Nữ	17/03/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
666	680	106649	Thái Ngọc Băng	Tâm	10A01	Nữ	18/03/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
667	681	106651	Trần Thị Khánh	Tâm	10A06	Nữ	11/04/2009	N3- Tăng cường tiếng Anh-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
668	682	106652	Bùi Phạm Quốc	Tân	10A15	Nam	30/11/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
669	683	106653	Trần Lương	Thạch	10D02	Nam	19/06/2009	N4- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
670	684	106673	Phạm Quang Tiến	Thành	10A04	Nam	09/09/2009	N2- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
671	685	106680	Nguyễn Lê	Thảo	10A06	Nữ	25/06/2009	N3- Tăng cường tiếng Anh-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
672	686	106690	Nguyễn Hoàng Trọng	Thiên	10D04	Nam	04/02/2009	N4- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
673	687	106692	Nguyễn Phúc Khánh	Thiên	10A12	Nữ	26/10/2009	N2- Thường-LÝ-HÓA-SINH-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
674	688	106697	Trương Viết	Thiện	10A06	Nam	02/02/2009	N3- Tăng cường tiếng Anh-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
675	689	106699	Vũ Ngọc	Thiện	10A04	Nam	16/08/2009	N2- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
676	690	106721	Phạm Anh	Thư	10D03	Nữ	05/10/2009	N6- Tăng cường Tiếng Anh-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
677	691	106723	Phan Lê Anh	Thư	10A03	Nữ	12/07/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
678	692	106731	Hương Thanh	Thùy	10A14	Nữ	21/10/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
679	693	106735	Trần Ngọc Thanh	Thùy	10A13	Nữ	31/10/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
680	694	106737	Huỳnh Ngọc Bảo	Thy	10A09	Nữ	29/05/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
681	695	106740	Nguyễn Bảo	Thy	10A05	Nữ	27/01/2009	N3- Tăng cường tiếng Anh-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
682	696	106744	Phạm Quỳnh	Thy	10A04	Nữ	05/06/2009	N2- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
683	697	106747	Trương Quỳnh	Thy	10A09	Nữ	07/01/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
684	698	106762	Hà Thúc Xuân	Trâm	10A02	Nữ	27/01/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
685	699	106765	Nguyễn Ngọc Mỹ	Trâm	10A13	Nữ	09/03/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
686	700	106768	Trần Nguyễn Bảo	Trâm	10D09	Nữ	29/06/2009	N4- NN2 TIẾNG PHÁP-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN- NGOẠI NGỮ 2 TIẾNG PHÁP	Tiếng Anh	Tiếng Pháp	

TT	Số hồ sơ	SBD	Họ và tên		Lớp	GT	Ngày sinh	Tính chất lớp	Ngoại ngữ 1	Ngoại ngữ 2	Ghi chú
687	701	106770	Đoàn Bảo	Trần	10D07	Nữ	14/08/2009	N6- THUONG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
688	702	106774	Nguyễn Ngọc Bảo	Trần	10D03	Nữ	07/09/2009	N6- Tăng cường Tiếng Anh-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
689	703	106779	Vũ Ngọc Bảo	Trần	10A14	Nữ	18/10/2009	N3- THUỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
690	704	106782	Ngô Thu	Trang	10D07	Nữ	21/08/2009	N6- THUONG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
691	705	106795	Hoàng Minh	Triết	10A09	Nam	20/02/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
692	706	106811	Trương Quốc	Trực	10D07	Nam	03/07/2009	N6- THUONG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
693	707	106817	Trần Sơn	Trường	10A16	Nam	02/04/2009	N3- THUỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
694	708	106819	Trần Thanh	Tú	10A03	Nam	21/10/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
695	709	106821	Châu Minh	Tuấn	10D05	Nam	22/09/2009	N4- THUỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
696	710	106824	Huỳnh Đức	Tuấn	10D08	Nam	16/12/2009	N7- THUỜNG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- ÂM NHẠC	Tiếng Anh	0	
697	711	106825	Huỳnh Hồ Huy	Tuấn	10A14	Nam	07/08/2009	N3- THUỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
698	712	106826	Nguyễn Hoàng	Tuấn	10A10	Nam	16/02/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
699	713	106828	Phạm Anh	Tuấn	10A10	Nam	21/01/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
700	714	106831	Trần Nguyễn Hoàng	Tuấn	10A09	Nam	11/06/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
701	715	106844	Võ Ánh	Tuyết	10A02	Nữ	05/10/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
702	716	106848	Đoàn Ngọc Nhã	Uyên	10D07	Nữ	27/10/2009	N6- THUONG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
703	717	106862	Từ Thanh	Uyên	10D07	Nữ	27/04/2009	N6- THUONG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
704	718	106876	Nguyễn Bá Tuấn	Vinh	10A01	Nam	16/10/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
705	719	106884	Lê Phương	Vy	10A03	Nữ	10/06/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
706	720	106906	Trần Hoàng Thảo	Vy	10A15	Nữ	24/04/2009	N3- THUỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
707	721	106909	Trần Ngọc Yến	Vy	10A14	Nữ	25/10/2009	N3- THUỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
708	722	106912	Trương Ngọc Phương	Vy	10A13	Nữ	16/05/2009	N3- THUỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
709	723	106944	Nguyễn Thị Bằng	Giang	10N	Nữ	22/10/2009	N6- THUỜNG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	TIẾNG NHẬT	TIẾNG ANH	
710	724	106947	Phan Quốc	Hung	10N	Nam	28/12/2009	N6- THUỜNG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	TIẾNG NHẬT	TIẾNG ANH	
711	725	106948	Hồ Tuấn	Khang	10N	Nam	26/10/2009	N6- THUỜNG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	TIẾNG NHẬT	TIẾNG ANH	
712	726	106950	Nguyễn Thái Duy	Minh	10N	Nam	16/04/2009	N6- THUỜNG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	TIẾNG NHẬT	TIẾNG ANH	
713	727	106951	Nguyễn Gia	Ngọc	10N	Nữ	14/07/2009	N6- THUỜNG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	TIẾNG NHẬT	TIẾNG ANH	
714	728	106952	Lê Tuấn	Phát	10N	Nam	14/04/2009	N6- THUỜNG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	TIẾNG NHẬT	TIẾNG ANH	
715	729	106954	Châu Mai Triệu	Vy	10N	Nữ	02/05/2009	N6- THUỜNG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	TIẾNG NHẬT	TIẾNG ANH	
716	730	106968	Trần Gia	An	10A04	Nữ	08/03/2009	N2- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
717	731	107006	Phùng Đỗ Quỳnh	Anh	10A07	Nữ	16/09/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
718	732	107069	Nguyễn Ngọc	Diệp	10A08	Nữ	29/10/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
719	733	107097	Nguyễn Khánh	Hà	10D03	Nữ	10/11/2009	N6- Tăng cường Tiếng Anh-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
720	734	107129	Trần Phạm Minh	Hiếu	10A16	Nam	14/10/2009	N3- THUỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
721	735	107136	Hoàng Thiên	Hồng	10A10	Nữ	19/06/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
722	736	107217	Trần Đăng	Khôi	10D08	Nam	04/10/2009	N7- THUỜNG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- ÂM NHẠC	Tiếng Anh	0	
723	737	107236	Đàm Trúc	Linh	10D03	Nữ	27/07/2009	N6- Tăng cường Tiếng Anh-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
724	738	107307	Quách Đoàn Thanh	Ngân	10A03	Nữ	02/09/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
725	739	107316	Nguyễn Tuyên Bội	Nghi	10D02	Nữ	13/04/2009	N4- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
726	740	107318	Phạm Ngọc Phương	Nghi	10D01	Nữ	05/05/2009	N4- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
727	741	107341	Trần Lương	Ngọc	10D02	Nữ	14/10/2009	N4- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
728	742	107407	Đoàn Nguyên	Phong	10A04	Nam	17/03/2009	N2- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
729	743	107470	Trần Võ Thành	Tài	10A06	Nam	25/03/2009	N3- Tăng cường tiếng Anh-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
730	744	107474	Nguyễn Thành	Tâm	10A06	Nam	11/05/2009	N3- Tăng cường tiếng Anh-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	

TT	Số hồ sơ	SBD	Họ và tên		Lớp	GT	Ngày sinh	Tính chất lớp	Ngoại ngữ 1	Ngoại ngữ 2	Ghi chú
731	745	107522	Nguyễn Thế	Thuần	10A01	Nam	10/10/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
732	746	107538	Lê Huỳnh	Tiến	10A05	Nam	02/02/2009	N3- Tăng cường tiếng Anh-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
733	747	107549	Nguyễn Thị Phương	Trâm	10D08	Nữ	10/01/2009	N7- THƯỜNG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- ÂM NHẠC	Tiếng Anh	0	
734	748	107588	Nguyễn Thị Kim	Tú	10A08	Nữ	12/06/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
735	749	107607	Tất Phan Nhật	Uyên	10A02	Nữ	15/05/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
736	750	107612	Nguyễn Khánh	Vi	10D03	Nữ	10/11/2009	N6- Tăng cường Tiếng Anh-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
737	751	107616	Nguyễn Hoàng	Việt	10A08	Nam	27/08/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
738	752	107682	Dương Tú	Anh	10D05	Nữ	03/06/2009	N4- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
739	753	107721	Nguyễn Thế	Bảo	10D09	Nam	06/01/2009	N4- NN2 TIẾNG PHÁP-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN- NGOẠI NGỮ 2 TIẾNG PHÁP	Tiếng Anh	Tiếng Pháp	
740	754	107833	Trần Đình	Hiền	10D08	Nam	08/05/2009	N7- THƯỜNG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- ÂM NHẠC	Tiếng Anh	0	
741	755	107911	Lê Huỳnh Minh	Khánh	10D08	Nữ	22/08/2009	N7- THƯỜNG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- ÂM NHẠC	Tiếng Anh	0	
742	756	107954	Phan Lê Nhã	Kỳ	10A06	Nữ	14/04/2009	N3- Tăng cường tiếng Anh-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
743	757	107963	Đào Phương	Linh	10D07	Nữ	31/05/2009	N6- THUONG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
744	758	108203	Nguyễn Minh	Tâm	10A13	Nam	10/06/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
745	759	108384	Hoàng Lê Thanh	Vân	10D07	Nữ	15/07/2009	N6- THUONG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
746	760	108429	Phạm Thảo	Vy	10A07	Nữ	07/10/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
747	761	108509	Nguyễn Minh	Anh	10A16	Nữ	27/01/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
748	762	108521	Nguyễn Quỳnh	Anh	10A05	Nữ	18/05/2009	N3- Tăng cường tiếng Anh-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
749	763	108552	Đặng Chí	Bách	10A16	Nam	04/02/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
750	764	108553	Nguyễn Đông	Bách	10A07	Nam	29/08/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
751	765	108944	Nguyễn Hoàng	Khôi	10A11	Nam	03/05/2009	N1- NN2 tiếng pháp-LÝ-HÓA-SINH-TIN- NGOẠI NGỮ 2 TIẾNG PHÁP	Tiếng Anh	Tiếng Pháp	
752	766	109200	Nguyễn Thảo	Ngọc	10A08	Nữ	19/01/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
753	767	109306	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Như	10A10	Nữ	11/06/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
754	768	109497	Đào Mai Phương	Thảo	10A13	Nữ	05/07/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
755	769	109645	Phương Minh	Trí	10A12	Nam	19/01/2009	N2- Thường-LÝ-HÓA-SINH-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
756	770	109782	Lê Nguyễn Hoàng	Yến	10D05	Nữ	29/12/2009	N4- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
757	771	109946	Dương Nghi	Đình	10D08	Nữ	10/04/2009	N7- THƯỜNG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- ÂM NHẠC	Tiếng Anh	0	
758	772	109997	Đặng Lê Gia	Hân	10D05	Nữ	07/11/2009	N4- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
759	773	110173	Đặng Bảo	Khang	10A14	Nam	30/01/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
760	774	110968	Vương Mỹ	Tú	10D07	Nữ	02/08/2009	N6- THUONG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
761	775	112354	Huỳnh Lê Nhã	Ca	10D03	Nữ	25/06/2009	N6- Tăng cường Tiếng Anh-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
762	776	114060	Nguyễn Tùng	Chi	10D01	Nữ	26/10/2009	N4- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
763	777	114098	Phạm Nhật	Duy	10A05	Nam	13/07/2009	N3- Tăng cường tiếng Anh-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
764	778	114112	Lương Gia	Hân	10A08	Nữ	19/10/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
765	779	114290	Nguyễn Quế	Mai	10D01	Nữ	21/01/2009	N4- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
766	780	114370	Nguyễn Đặng Thảo	Nguyên	10A06	Nữ	03/07/2009	N3- Tăng cường tiếng Anh-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
767	781	114467	Nguyễn Khánh	Quân	10A11	Nam	04/09/2009	N1- NN2 tiếng pháp-LÝ-HÓA-SINH-TIN- NGOẠI NGỮ 2 TIẾNG PHÁP	Tiếng Anh	Tiếng Pháp	
768	782	114476	Nguyễn Nhật	Quang	10D01	Nam	07/02/2009	N4- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
769	783	114549	Lê Hoàng Minh	Thư	10D03	Nữ	11/05/2009	N6- Tăng cường Tiếng Anh-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
770	784	114674	Ngô Bảo	Vinh	10A02	Nam	24/02/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
771	785	114706	Trần Nhất Thiên	Vy	10D03	Nữ	08/06/2009	N6- Tăng cường Tiếng Anh-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	

TT	Số hồ sơ	SBD	Họ và tên		Lớp	GT	Ngày sinh	Tính chất lớp	Ngoại ngữ 1	Ngoại ngữ 2	Ghi chú
772	786	114795	Phạm Vũ Linh	Anh	10D08	Nữ	01/06/2009	N7- THƯỜNG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- ÂM NHẠC	Tiếng Anh	0	
773	787	114815	Phan Khánh	Băng	10D09	Nữ	15/11/2009	N4- NN2 TIẾNG PHÁP-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN- NGOẠI NGỮ 2 TIẾNG PHÁP	Tiếng Anh	Tiếng Pháp	
774	788	114843	Nguyễn Minh	Châu	10D08	Nữ	24/04/2009	N7- THƯỜNG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- ÂM NHẠC	Tiếng Anh	0	
775	789	115098	Lương Gia	Linh	10A06	Nữ	21/09/2009	N3- Tăng cường tiếng Anh-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
776	790	115171	Nguyễn Minh	Nam	10A11	Nam	02/04/2009	N1- NN2 tiếng pháp-LÝ-HÓA-SINH-TIN- NGOẠI NGỮ 2 TIẾNG PHÁP	Tiếng Anh	Tiếng Pháp	
777	791	115237	Nguyễn Minh	Nhật	10A06	Nam	09/02/2009	N3- Tăng cường tiếng Anh-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
778	792	115313	Nguyễn Lê	Phương	10D07	Nữ	20/10/2009	N6- THUONG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
779	793	115428	Nguyễn Phạm Xuân	Thy	10A03	Nữ	19/05/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
780	794	115526	Trần Ngọc Khánh	Vy	10D09	Nữ	12/01/2009	N4- NN2 TIẾNG PHÁP-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN- NGOẠI NGỮ 2 TIẾNG PHÁP	Tiếng Anh	Tiếng Pháp	
781	795	115555	Đào Đức	Anh	10A15	Nam	21/08/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
782	796	115560	Huỳnh Ngọc Minh	Anh	10A04	Nữ	28/10/2009	N2- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
783	797	115578	Nguyễn Thị Lan	Anh	10A02	Nữ	24/01/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
784	798	115582	Phạm Minh	Anh	10D01	Nữ	04/12/2009	N4- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
785	799	115628	Trần Lý Thế	Bảo	10A02	Nam	25/11/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
786	800	115637	Ngô Nguyễn Minh	Châu	10A05	Nữ	07/10/2009	N3- Tăng cường tiếng Anh-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
787	801	115654	Mã Quốc	Đại	10D01	Nam	19/08/2009	N4- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
788	802	115693	Nguyễn Phúc Thùy	Dung	10A12	Nữ	02/10/2009	N2- Thường-LÝ-HÓA-SINH-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
789	803	115700	Shao Chấn	Dương	10A10	Nam	14/05/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
790	804	115760	Phạm	Haru	10D01	Nam	05/12/2009	N4- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
791	805	116218	Đinh Xuân	Thịnh	10A05	Nam	26/10/2009	N3- Tăng cường tiếng Anh-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
792	806	116289	Huỳnh Lê Thy	Trâm	10D01	Nữ	13/06/2009	N4- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
793	807	116325	Hồ Xuân	Trúc	10D01	Nữ	01/09/2009	N4- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
794	808	116823	Hà Ly	Na	10A06	Nữ	10/03/2009	N3- Tăng cường tiếng Anh-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
795	809	117424	Huỳnh Vĩ	Hào	10A07	Nam	27/03/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
796	810	117716	Võ Tuyết	Ngọc	10A05	Nữ	16/10/2009	N3- Tăng cường tiếng Anh-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
797	811	117916	Nguyễn Phước	Thiên	10A08	Nam	25/03/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
798	812	118208	Trần Nguyễn Tâm	Anh	10A16	Nữ	01/08/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
799	813	118642	Trần Hoàng Thiên	Tân	10A16	Nam	28/05/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
800	814	118660	Lê Minh	Thiên	10D03	Nam	02/03/2009	N6- Tăng cường Tiếng Anh-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
801	815	118678	Trần Anh	Thư	10A03	Nữ	29/11/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
802	816	119992	Phan Diệp	Chi	10A03	Nữ	18/04/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
803	817	120358	Nguyễn Ngọc	Nhung	10A07	Nữ	30/08/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
804	818	120546	Nguyễn Thị Thủy	Triều	10D03	Nữ	04/08/2009	N6- Tăng cường Tiếng Anh-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
805	819	121808	Nguyễn Trần Như	Ngọc	10A12	Nữ	25/09/2009	N2- Thường-LÝ-HÓA-SINH-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
806	820	123438	Hoàng Nguyễn Tâm	Như	10A16	Nữ	02/04/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
807	821	123962	Hồ Anh Nhật	Linh	10A13	Nữ	10/08/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
808	822	125631	Đỗ Phúc	Anh	10A09	Nam	23/06/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
809	823	125675	Phùng Ngọc Quỳnh	Anh	10D05	Nữ	19/01/2009	N4- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
810	824	125718	Võ Nhật Bảo	Châu	10D01	Nữ	15/08/2009	N4- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
811	825	125809	Nguyễn Ngọc	Hân	10D06	Nữ	08/06/2009	N5- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	

TT	Số hồ sơ	SBD	Họ và tên		Lớp	GT	Ngày sinh	Tính chất lớp	Ngoại ngữ 1	Ngoại ngữ 2	Ghi chú
812	826	125923	Nguyễn Ngọc Kim	Khánh	10A11	Nữ	02/09/2009	N1- NN2 tiếng pháp-LÝ-HÓA-SINH-TIN- NGOẠI NGỮ 2 TIẾNG PHÁP	Tiếng Anh	Tiếng Pháp	
813	827	125935	Dương Nguyên	Khôi	10A13	Nam	11/12/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
814	828	125941	Nguyễn Thiên	Khôi	10D09	Nam	14/08/2009	N4- NN2 TIẾNG PHÁP-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN- NGOẠI NGỮ 2 TIẾNG PHÁP	Tiếng Anh	Tiếng Pháp	
815	829	125962	Bùi Ngân Hồng	Lam	10A15	Nữ	02/06/2008	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
816	830	126002	Lưu Thái	Long	10D03	Nam	23/10/2009	N6- Tăng cường Tiếng Anh-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
817	831	126270	Lê Đăng Thiên	Thanh	10A11	Nữ	16/10/2009	N1- NN2 tiếng pháp-LÝ-HÓA-SINH-TIN- NGOẠI NGỮ 2 TIẾNG PHÁP	Tiếng Anh	Tiếng Pháp	
818	832	126340	Phạm Anh	Thư	10D02	Nữ	14/06/2009	N4- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
819	833	126342	Phan Vũ Minh	Thư	10A07	Nữ	08/08/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
820	834	126396	Nguyễn Quỳnh	Trang	10A15	Nữ	16/11/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
821	835	126447	Lê Phương	Uyên	10A06	Nữ	12/12/2009	N3- Tăng cường tiếng Anh-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
822	836	126491	Nguyễn Phạm Triệu	Vy	10A09	Nữ	31/07/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
823	837	126517	Châu Nguyễn Trường	An	10D06	Nữ	18/03/2009	N5- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
824	838	126574	Phạm Đức	Anh	10A07	Nam	04/03/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
825	839	126646	Trần Minh	Châu	10A10	Nữ	21/09/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
826	840	126675	Nguyễn Tuấn	Đạt	10A13	Nam	07/09/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
827	841	126752	Trần Ngọc Khánh	Hân	10A13	Nữ	07/07/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
828	842	126822	Nguyễn Khánh	Hưng	10A02	Nam	31/10/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
829	843	126938	Phạm Đức	Kiên	10A07	Nam	04/03/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
830	844	126964	Diệp Bảo	Kỳ	10A01	Nữ	21/07/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
831	845	127029	Châu Gia	Mẫn	10A16	Nữ	05/08/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
832	846	127104	Lê Minh	Nghi	10A10	Nữ	19/02/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
833	847	127130	Trần Hoàng Khánh	Ngọc	10D08	Nữ	03/11/2009	N7- THƯỜNG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- ÂM NHẠC	Tiếng Anh	0	
834	848	127143	Trần Du	Nguyên	10A09	Nam	19/09/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
835	849	127144	Trần Huỳnh Thảo	Nguyên	10A10	Nữ	09/05/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
836	850	127164	Nguyễn Ngọc Phương	Nhi	10D03	Nữ	26/02/2009	N6- Tăng cường Tiếng Anh-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
837	851	127314	Lê Đăng Hoàng	Tâm	10A02	Nam	22/05/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
838	852	127315	Nguyễn Khai	Tâm	10A15	Nam	18/05/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
839	853	128101	Ngô Hiệp	Long	10A07	Nam	16/11/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
840	854	129075	Nguyễn Võ Minh	Huy	10A14	Nam	13/06/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
841	855	129376	Nguyễn Khánh	Ngọc	10A12	Nữ	11/09/2009	N2- Thường-LÝ-HÓA-SINH-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
842	856	129491	Nhìn Thành	Phát	10A01	Nam	16/10/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
843	857	134351	Nguyễn Quang	Mạnh	10A12	Nam	09/03/2009	N2- Thường-LÝ-HÓA-SINH-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
844	858	135119	Nguyễn Trần Phương	Anh	10D04	Nữ	18/10/2009	N4- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
845	859	135640	Võ Hồng	Ngọc	10A06	Nữ	27/09/2009	N3- Tăng cường tiếng Anh-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
846	860	135705	Lê Hoàng Minh	Phát	10A11	Nam	31/10/2009	N1- NN2 tiếng pháp-LÝ-HÓA-SINH-TIN- NGOẠI NGỮ 2 TIẾNG PHÁP	Tiếng Anh	Tiếng Pháp	
847	861	136217	Hà Gia	Bảo	10A08	Nam	19/09/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
848	862	136321	Bùi Khoa	Điền	10D03	Nam	08/06/2009	N6- Tăng cường Tiếng Anh-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
849	863	136553	Nguyễn Nguyên	Khang	10A13	Nam	29/12/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
850	864	136879	Nguyễn Hồng	Ngọc	10A01	Nữ	07/12/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
851	865	137480	Võ Nguyễn Quang	Vinh	10A10	Nam	10/07/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	

TT	Số hồ sơ	SBD	Họ và tên		Lớp	GT	Ngày sinh	Tính chất lớp	Ngoại ngữ 1	Ngoại ngữ 2	Ghi chú
852	866	137540	Nguyễn Ngọc Như	Ý	10A12	Nữ	24/04/2009	N2- Thường-LÝ-HÓA-SINH-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
853	867	137616	Thái Châu	Anh	10A04	Nữ	30/11/2009	N2- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
854	869	138279	Nguyễn Vũ Minh	Tâm	10A11	Nữ	16/07/2009	N1- NN2 tiếng pháp-LÝ-HÓA-SINH-TIN- NGOẠI NGỮ 2 TIẾNG PHÁP	Tiếng Anh	Tiếng Pháp	
855	870	138629	Trần Quốc	Anh	10D09	Nam	07/04/2009	N4- NN2 TIẾNG PHÁP-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN- NGOẠI NGỮ 2 TIẾNG PHÁP	Tiếng Anh	Tiếng Pháp	
856	871	138823	Chu Bảo	Hân	10A02	Nữ	29/03/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
857	872	138896	Nguyễn Đăng	Hoàng	10A16	Nam	22/05/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
858	873	138910	Nguyễn Tuấn	Hung	10D04	Nam	07/08/2009	N4- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
859	874	138951	Nguyễn Khương Minh	Khải	10D05	Nam	10/08/2009	N4- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
860	875	138978	Nguyễn Phúc Gia	Khang	10D07	Nam	15/08/2009	N6- THUONG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
861	876	139027	Dương Minh	Khoa	10A08	Nam	17/10/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
862	877	139127	Trần Hà	Linh	10A14	Nữ	14/01/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
863	878	139267	Huỳnh Phương	Nghi	10D07	Nữ	09/06/2009	N6- THUONG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
864	879	139314	Hoàng Vũ Khánh	Nguyên	10A15	Nam	25/09/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
865	880	139347	Dương Phước Uyên	Nhi	10A16	Nữ	20/05/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
866	881	139390	Nguyễn Khánh	Như	10D05	Nữ	17/03/2009	N4- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
867	882	139548	Nguyễn Hồng	Quang	10A05	Nam	14/09/2009	N3- Tăng cường tiếng Anh-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
868	883	139560	Lê Thanh Thúy	Quyên	10A15	Nữ	04/04/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
869	884	139647	Phạm Thanh	Thảo	10D02	Nữ	09/12/2009	N4- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
870	885	139661	Tiêu Huỳnh Trí	Thiện	10A15	Nam	04/07/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
871	886	139721	Võ Lê Kim	Thư	10A08	Nữ	08/03/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
872	887	139784	Ngô Minh	Trân	10D02	Nữ	14/12/2009	N4- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
873	888	139789	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	10D07	Nữ	25/08/2009	N6- THUONG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
874	889	139803	Nguyễn Phương	Trang	10A05	Nữ	21/02/2009	N3- Tăng cường tiếng Anh-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
875	890	139841	Phan Quế	Trúc	10D07	Nữ	23/06/2009	N6- THUONG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
876	891	139851	Phạm Xuân	Trung	10A05	Nam	12/06/2009	N3- Tăng cường tiếng Anh-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
877	892	140122	Phạm Quỳnh	Anh	10A04	Nữ	16/02/2009	N2- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
878	893	140213	Bùi Thị Ngọc	Chân	10D04	Nữ	09/09/2009	N4- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
879	894	140302	Nguyễn Hạnh	Doanh	10D03	Nữ	19/03/2009	N6- Tăng cường Tiếng Anh-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
880	895	140416	Dương Bảo	Hân	10D07	Nữ	20/02/2009	N6- THUONG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
881	896	140441	Nguyễn Ngọc Bảo	Hân	10A12	Nữ	30/09/2009	N2- Thường-LÝ-HÓA-SINH-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
882	897	140595	Nguyễn Huy	Khang	10A07	Nam	07/05/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
883	898	140705	Trịnh Gia	Kiệt	10A11	Nam	01/12/2009	N1- NN2 tiếng pháp-LÝ-HÓA-SINH-TIN- NGOẠI NGỮ 2 TIẾNG PHÁP	Tiếng Anh	Tiếng Pháp	
884	899	140784	Võ Hoàng Khánh	Linh	10A11	Nữ	07/12/2009	N1- NN2 tiếng pháp-LÝ-HÓA-SINH-TIN- NGOẠI NGỮ 2 TIẾNG PHÁP	Tiếng Anh	Tiếng Pháp	
885	900	140818	Hồ Thanh Quỳnh	Mai	10D03	Nữ	13/04/2009	N6- Tăng cường Tiếng Anh-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
886	901	141039	Phạm Trịnh Thảo	Nguyên	10A16	Nữ	06/11/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
887	902	141230	Nguyễn Hà	Phương	10A13	Nữ	02/05/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
888	903	141357	Phan Vĩnh	Thành	10A07	Nam	12/10/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
889	904	141422	Huỳnh Ngọc Anh	Thư	10D09	Nữ	16/12/2009	N4- NN2 TIẾNG PHÁP-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN- NGOẠI NGỮ 2 TIẾNG PHÁP	Tiếng Anh	Tiếng Pháp	
890	905	141555	Nguyễn Thị Thùy	Trang	10A12	Nữ	24/05/2009	N2- Thường-LÝ-HÓA-SINH-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	

TT	Số hồ sơ	SBD	Họ và tên		Lớp	GT	Ngày sinh	Tính chất lớp	Ngoại ngữ 1	Ngoại ngữ 2	Ghi chú
891	906	141648	Đặng Ngọc Khánh	Tường	10D06	Nữ	01/10/2009	N5- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
892	907	141735	Nguyễn Trần Thảo	Vy	10D09	Nữ	03/08/2009	N4- NN2 TIẾNG PHÁP-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN- NGOẠI NGỮ 2 TIẾNG PHÁP	Tiếng Anh	Tiếng Pháp	
893	908	142184	Nguyễn Tuấn	Dũng	10D09	Nam	14/09/2009	N4- NN2 TIẾNG PHÁP-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN- NGOẠI NGỮ 2 TIẾNG PHÁP	Tiếng Anh	Tiếng Pháp	
894	909	143754	Ngô Nguyễn Hoàng	Vy	10D08	Nữ	02/07/2009	N7- THƯỜNG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- ÂM NHẠC	Tiếng Anh	0	
895	910	143928	Nguyễn Hà Khôi	Anh	10D01	Nữ	07/04/2009	N4- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
896	911	144036	Nguyễn Kinh	Bách	10A09	Nam	21/05/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
897	912	144874	Phan May	May	10D09	Nữ	26/04/2009	N4- NN2 TIẾNG PHÁP-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN- NGOẠI NGỮ 2 TIẾNG PHÁP	Tiếng Anh	Tiếng Pháp	
898	913	144956	Huỳnh Lê	Nam	10A08	Nam	04/11/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
899	914	144983	Trần Phương	Nam	10D08	Nam	21/09/2009	N7- THƯỜNG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- ÂM NHẠC	Tiếng Anh	0	
900	915	145014	Vũ Nguyễn Mỹ	Ngân	10D04	Nữ	05/02/2009	N4- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
901	916	145613	Nguyễn Hoàng Kim	Thư	10A05	Nữ	05/01/2009	N3- Tăng cường tiếng Anh-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
902	917	145804	Đoàn Bảo	Trúc	10A08	Nam	05/01/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
903	918	146049	Đỗ Ngọc Quỳnh	Anh	10D05	Nữ	02/10/2009	N4- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
904	919	146060	Nguyễn Quỳnh	Anh	10A09	Nữ	25/07/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
905	920	146067	Phạm Nguyễn Thục	Anh	10A04	Nữ	01/08/2009	N2- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
906	921	146077	Lê Trung	Bắc	10A07	Nam	22/12/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
907	922	146079	Nguyễn Lương	Băng	10A01	Nam	30/10/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
908	923	146091	Phạm Nguyễn Gia	Bảo	10A13	Nam	14/06/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
909	924	146093	Tôn Thất Nguyên	Bảo	10A06	Nam	08/07/2009	N3- Tăng cường tiếng Anh-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
910	925	146098	Đặng Hoàng Nhã	Ca	10D04	Nữ	11/07/2009	N4- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
911	926	146105	Phạm Đăng	Chương	10D08	Nam	17/01/2009	N7- THƯỜNG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- ÂM NHẠC	Tiếng Anh	0	
912	927	146109	Nguyễn Linh	Đan	10A10	Nữ	09/10/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
913	928	146123	Đinh Trần Minh	Đức	10D01	Nam	26/09/2009	N4- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
914	929	146127	Châu Nhật	Duy	10A14	Nam	23/10/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
915	930	146128	Lê Khương	Duy	10D01	Nam	09/01/2009	N4- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
916	931	146129	Mai Minh	Duy	10A13	Nam	07/01/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
917	932	146137	Trịnh Lê Ngân	Hà	10A09	Nữ	18/01/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
918	933	146139	Phan Nguyễn Bá	Hải	10A02	Nam	16/05/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
919	934	146141	Đỗ Hoàng Bảo	Hân	10A03	Nữ	30/01/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
920	936	146153	Phan Mỹ	Hân	10A04	Nữ	06/12/2009	N2- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
921	937	146156	Võ Gia	Hân	10A11	Nữ	28/04/2009	N1- NN2 tiếng pháp-LÝ-HÓA-SINH-TIN- NGOẠI NGỮ 2 TIẾNG PHÁP	Tiếng Anh	Tiếng Pháp	
922	938	146176	Nguyễn Hữu Gia	Huân	10D02	Nam	04/09/2009	N4- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
923	939	146178	Phạm Việt	Hùng	10A16	Nam	03/01/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
924	940	146189	Lý Nguyễn Gia	Huy	10A10	Nam	14/02/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
925	941	146195	Trần Phạm Quốc	Huy	10D09	Nam	29/04/2009	N4- NN2 TIẾNG PHÁP-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN- NGOẠI NGỮ 2 TIẾNG PHÁP	Tiếng Anh	Tiếng Pháp	
926	942	146198	Hoàng Ngọc Minh	Hy	10D04	Nữ	10/04/2009	N4- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
927	943	146199	Lê Minh	Kha	10D06	Nam	02/08/2009	N5- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
928	944	146204	Giang Vĩnh	Khang	10A09	Nam	02/12/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
929	945	146207	Lưu Minh	Khang	10A14	Nam	25/01/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	

TT	Số hồ sơ	SBD	Họ và tên		Lớp	GT	Ngày sinh	Tính chất lớp	Ngoại ngữ 1	Ngoại ngữ 2	Ghi chú
930	946	146209	Ngô Nhật	Khang	10D01	Nam	01/03/2009	N4- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
931	947	146214	Nguyễn Phúc	Khang	10A15	Nam	20/02/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
932	948	146222	Tạ Điền	Khang	10A16	Nam	26/10/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
933	949	146227	Võ Huỳnh Duy	Khang	10D05	Nam	10/08/2009	N4- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
934	950	146228	Đỗ Ngọc Bảo	Khanh	10A03	Nữ	24/08/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
935	951	146231	Hoàng Kim	Khánh	10A06	Nữ	01/01/2009	N3- Tăng cường tiếng Anh-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
936	952	146239	Đặng Võ Anh	Khoa	10D03	Nam	17/11/2009	N6- Tăng cường Tiếng Anh-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
937	953	146244	Nguyễn Trần Đăng	Khoa	10D07	Nam	02/08/2009	N6- THUONG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
938	954	146252	Huỳnh Anh	Khôi	10A09	Nam	25/09/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
939	955	146254	Nguyễn Duy	Khôi	10D04	Nam	06/12/2009	N4- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
940	956	146256	Phạm Phú Minh	Khôi	10D08	Nam	01/06/2009	N7- THƯỜNG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- ÂM NHẠC	Tiếng Anh	0	
941	957	146259	Trịnh Anh	Khôi	10A06	Nam	20/05/2009	N3- Tăng cường tiếng Anh-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
942	958	146266	Nguyễn Lê Nhã	Khuyến	10A07	Nữ	26/08/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
943	959	146280	Đào Khánh	Linh	10D01	Nữ	15/01/2009	N4- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
944	960	146282	Liêu Nhật	Linh	10A10	Nữ	19/06/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
945	961	146286	Nguyễn Ngọc	Linh	10D01	Nữ	25/01/2009	N4- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
946	962	146297	Trương Hiền	Long	10A06	Nam	07/11/2009	N3- Tăng cường tiếng Anh-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
947	963	146303	Đặng Ngọc Xuân	Mai	10D05	Nữ	08/09/2009	N4- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
948	964	146319	Trương Bảo	Minh	10D07	Nam	10/05/2009	N6- THUONG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
949	965	146349	Lý Tuệ	Nghi	10A13	Nữ	26/11/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
950	966	146356	Ngô Lê Công	Nghĩa	10D09	Nam	16/11/2009	N4- NN2 TIẾNG PHÁP-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN- NGOẠI NGỮ 2 TIẾNG PHÁP	Tiếng Anh	Tiếng Pháp	
951	967	146395	Trần Võ Bảo	Nhi	10D02	Nữ	24/08/2009	N4- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
952	968	146397	Phan Ngọc	Nhiên	10A04	Nữ	09/06/2009	N2- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
953	969	146413	Phan Thiên	Phú	10A14	Nam	18/07/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
954	970	146414	Vũ An	Phú	10A14	Nam	13/05/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
955	971	146425	Phạm Hoàng	Phúc	10A05	Nam	30/09/2009	N3- Tăng cường tiếng Anh-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
956	972	146427	Trần Thiên	Phúc	10A11	Nam	04/07/2009	N1- NN2 tiếng pháp-LÝ-HÓA-SINH-TIN- NGOẠI NGỮ 2 TIẾNG PHÁP	Tiếng Anh	Tiếng Pháp	
957	973	146430	Đỗ Hoàng Nam	Phương	10D05	Nữ	30/04/2009	N4- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
958	974	146440	Bùi Minh	Quân	10A13	Nam	06/04/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
959	975	146441	Đỗ Minh	Quân	10A13	Nam	28/01/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
960	976	146445	Trần Hồng	Quân	10A12	Nam	22/02/2009	N2- Thường-LÝ-HÓA-SINH-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
961	977	146470	Lý Ngọc	Thanh	10D03	Nữ	22/06/2009	N6- Tăng cường Tiếng Anh-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
962	978	146475	Võ Kim Nhiên	Thảo	10A02	Nữ	28/02/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
963	979	146502	Huỳnh Thị Bích	Thuyền	10A15	Nữ	14/03/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
964	980	146506	Nguyễn Ngọc Bảo	Thy	10A15	Nữ	03/04/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
965	981	146544	Nguyễn Viết	Trung	10A11	Nam	16/12/2009	N1- NN2 tiếng pháp-LÝ-HÓA-SINH-TIN- NGOẠI NGỮ 2 TIẾNG PHÁP	Tiếng Anh	Tiếng Pháp	
966	982	146562	Nguyễn Hùng	Vinh	10D03	Nam	24/02/2009	N6- Tăng cường Tiếng Anh-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
967	983	146570	Nguyễn Hoàng Gia	Vy	10A02	Nữ	15/09/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
968	984	146572	Phạm Quỳnh	Vy	10D07	Nữ	13/10/2009	N6- THUONG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
969	985	146578	Lê Ngọc Hoàng	Yên	10A12	Nữ	16/10/2009	N2- Thường-LÝ-HÓA-SINH-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
970	986	146651	Phạm Ngọc Quỳnh	Anh	10D06	Nữ	11/11/2009	N5- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	

TT	Số hồ sơ	SBD	Họ và tên		Lớp	GT	Ngày sinh	Tính chất lớp	Ngoại ngữ 1	Ngoại ngữ 2	Ghi chú
971	987	146812	Phạm Nguyễn Minh	Hiếu	10A16	Nam	18/03/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
972	988	146845	Lương Gia	Huy	10D03	Nam	23/02/2009	N6- Tăng cường Tiếng Anh-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
973	989	146936	Đỗ Anh	Khôi	10A02	Nam	17/11/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
974	990	147009	Trịnh Hoàng	Long	10D01	Nam	08/04/2009	N4- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
975	991	147013	Hồ Thị Xuân	Mai	10A11	Nữ	12/01/2009	N1- NN2 tiếng pháp-LÝ-HÓA-SINH-TIN- NGOẠI NGỮ 2 TIẾNG PHÁP	Tiếng Anh	Tiếng Pháp	
976	992	147028	Nguyễn Anh	Minh	10A16	Nam	01/02/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
977	993	147225	Lâm Thanh Trúc	Phuong	10A09	Nữ	09/02/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
978	994	147277	Hoàng Trần Xuân	Thành	10A02	Nam	23/06/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
979	995	147390	Võ Lê Thanh	Trúc	10D09	Nữ	09/10/2009	N4- NN2 TIẾNG PHÁP-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN- NGOẠI NGỮ 2 TIẾNG PHÁP	Tiếng Anh	Tiếng Pháp	
980	996	147426	Nguyễn Nhật	Vĩ	10D09	Nam	10/04/2009	N4- NN2 TIẾNG PHÁP-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN- NGOẠI NGỮ 2 TIẾNG PHÁP	Tiếng Anh	Tiếng Pháp	
981	997	147466	Văn Hoàng Bảo	Vy	10A02	Nữ	08/02/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
982	998	147492	Nguyễn Vy Khánh	An	10A10	Nữ	20/10/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
983	999	147569	Nguyễn Phạm Quỳnh	Anh	10A12	Nữ	13/02/2009	N2- Thường-LÝ-HÓA-SINH-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
984	1000	147596	Trần Huỳnh Tâm	Anh	10A14	Nữ	25/12/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
985	1001	147631	Nguyễn Gia	Bảo	10A11	Nam	29/01/2009	N1- NN2 tiếng pháp-LÝ-HÓA-SINH-TIN- NGOẠI NGỮ 2 TIẾNG PHÁP	Tiếng Anh	Tiếng Pháp	
986	1002	147671	Phạm Khánh	Chi	10D08	Nữ	01/04/2009	N7- THƯỜNG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- ÂM NHẠC	Tiếng Anh	0	
987	1003	147712	Đỗ Thái Huyền	Diệu	10D01	Nữ	23/04/2009	N4- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
988	1004	147736	Lê Việt	Dũng	10A03	Nam	07/04/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
989	1005	147886	Đinh Đức	Huy	10A06	Nam	20/03/2009	N3- Tăng cường tiếng Anh-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
990	1006	147923	Lê Nam	Hy	10A05	Nam	05/12/2008	N3- Tăng cường tiếng Anh-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
991	1007	147947	Ngô Việt Quang	Khang	10D02	Nam	24/09/2009	N4- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
992	1008	147958	Phạm Nguyễn Bảo	Khang	10A15	Nam	18/08/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
993	1009	148032	Đào Quang	Khôi	10A10	Nam	20/04/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
994	1010	148038	Lý Phúc Nguyên	Khôi	10D05	Nam	11/01/2009	N4- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
995	1011	148090	Nguyễn Châu Tịnh	Lâm	10D07	Nữ	01/08/2009	N6- THUONG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
996	1012	148119	Nguyễn Hoàng Khánh	Linh	10D01	Nữ	07/09/2009	N4- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
997	1013	148253	Trần Ngọc Thanh	Ngân	10D08	Nữ	23/02/2009	N7- THƯỜNG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- ÂM NHẠC	Tiếng Anh	0	
998	1014	148268	Phạm Ngọc Phương	Nghi	10D05	Nữ	05/06/2009	N4- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
999	1015	148274	Lê Duy	Nghĩa	10A12	Nam	20/10/2009	N2- Thường-LÝ-HÓA-SINH-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
1000	1016	148292	Nguyễn Hoàng Minh	Ngọc	10D08	Nữ	22/09/2009	N7- THƯỜNG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- ÂM NHẠC	Tiếng Anh	0	
1001	1017	148315	Trịnh Mai Bảo	Ngọc	10D03	Nữ	20/10/2009	N6- Tăng cường Tiếng Anh-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
1002	1018	148324	Nguyễn Hoàng Phương	Nguyên	10A02	Nữ	13/02/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
1003	1019	148337	Lê Trần Hữu	Nhân	10A03	Nam	16/01/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
1004	1020	148352	Giang Tuệ	Nhi	10A04	Nữ	20/12/2009	N2- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
1005	1021	148373	Phùng Nguyễn Ngọc	Nhi	10D02	Nữ	02/01/2009	N4- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
1006	1022	148408	Huỳnh Hồng	Nhung	10A14	Nữ	16/05/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
1007	1023	148471	Trần Đào Gia	Phúc	10A08	Nam	10/11/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
1008	1024	148515	Trần Long	Quân	10A15	Nam	07/07/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
1009	1025	148537	Nguyễn Hoàng	Quỳnh	10D08	Nữ	28/04/2009	N7- THƯỜNG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- ÂM NHẠC	Tiếng Anh	0	
1010	1026	148549	Lê Nguyễn Khải	Quỳnh	10A08	Nữ	01/12/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	

TT	Số hồ sơ	SBD	Họ và tên		Lớp	GT	Ngày sinh	Tính chất lớp	Ngoại ngữ 1	Ngoại ngữ 2	Ghi chú
1011	1027	148565	Hoàng	Sury	10A01	Nữ	20/02/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
1012	1028	148615	Võ Ngọc Phương	Thảo	10A09	Nữ	14/05/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
1013	1029	148763	Ngô Minh	Trang	10A02	Nữ	21/01/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
1014	1030	148881	Nguyễn Thị Thu	Vân	10D06	Nữ	05/02/2009	N5- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
1015	1031	148885	Hoàng Nguyên Khánh	Văn	10D02	Nữ	02/07/2009	N4- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
1016	1032	149053	Trần Ngọc Phương	Anh	10A14	Nữ	29/11/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
1017	1033	149276	Lê Quang	Huy	10A06	Nam	29/07/2009	N3- Tăng cường tiếng Anh-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
1018	1034	149533	Nguyễn Song Bảo	Nghi	10A10	Nữ	16/01/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
1019	1035	149922	Nguyễn Văn	Tuấn	10A08	Nam	08/11/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
1020	1036	150041	Nguyễn Ngọc Thiên	An	10D06	Nữ	11/06/2009	N5- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
1021	1037	150328	Phùng Lê Đức	Dũng	10A04	Nam	14/06/2009	N2- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
1022	1038	150480	Nguyễn Minh	Hoàng	10A15	Nam	19/06/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
1023	1039	150750	Phạm Trúc	Lâm	10D05	Nữ	26/04/2009	N4- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
1024	1040	150871	Trần Bảo	Minh	10A06	Nam	02/08/2009	N3- Tăng cường tiếng Anh-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
1025	1041	150937	Nguyễn Ngọc Linh	Nga	10D06	Nữ	06/06/2009	N5- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
1026	1042	151038	Trương Hải Thảo	Nguyên	10A09	Nữ	19/01/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
1027	1043	151490	Đỗ Khánh	Trà	10D02	Nữ	31/01/2009	N4- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
1028	1044	151680	Hoàng	Vy	10D07	Nữ	23/02/2009	N6- THUONG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
1029	1045	153036	Huỳnh Hà	My	10D07	Nữ	28/10/2009	N6- THUONG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
1030	1046	157976	Lê Viết Phúc	Nguyên	10D06	Nam	10/11/2009	N5- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
1031	1047	177558	Phạm Trần Khánh	Ngọc	10D06	Nữ	10/12/2009	N5- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
1032	1048	180364	Nguyễn Trần Minh	Thư	10A01	Nữ	09/01/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
1033	1049	180991	Võ Minh	Huy	10A16	Nam	22/04/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
1034	1050	181020	Vũ	Khang	10A07	Nam	05/11/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	
1035	1051	181040	Nguyễn Anh	Khiết	10D05	Nam	27/10/2009	N4- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
1036	1052	182031	Trịnh Minh	Đức	10D07	Nam	05/03/2009	N6- THUONG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
1037	1053	182503	Phạm Võ Bích	Ngọc	10D09	Nữ	26/04/2009	N4- NN2 TIẾNG PHÁP-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN- NGOẠI NGỮ 2 TIẾNG PHÁP	Tiếng Anh	Tiếng Pháp	
1038	1054	182526	Trần Tâm	Nguyên	10D09	Nữ	24/11/2009	N4- NN2 TIẾNG PHÁP-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN- NGOẠI NGỮ 2 TIẾNG PHÁP	Tiếng Anh	Tiếng Pháp	
1039	1056	183810	Trần Hoàng	Nguyên	10A16	Nam	17/03/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
1040	1057	184515	Trương Anh	Khôi	10D02	Nam	16/10/2009	N4- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
1041	1058	185676	Đặng Thế Thiên	Ấn	10D08	Nữ	16/06/2009	N7- THƯỜNG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- ÂM NHẠC	Tiếng Anh	0	
1042	1059	189232	Bùi Bảo	Ngọc	10D02	Nữ	06/12/2009	N4- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	
1043	1061	91290	Lê Song Minh	Nhật	10A04	Nam	23/02/2009	N2- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
1044	1068	92709	Nguyễn Triết	Giang	10D03	Nam	04/07/2009	N6- Tăng cường Tiếng Anh-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
1045	1076	101605	Trần Xuân Hương	Giang	10A05	Nữ	20/12/2009	N3- Tăng cường tiếng Anh-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
1046	1082	106231	Nguyễn Tấn	Lâm	10A15	Nam	17/03/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
1047	1084	106439	Trần Phúc	Nguyên	10A11	Nam	05/06/2009	N1- NN2 tiếng pháp-LÝ-HÓA-SINH-TIN- NGOẠI NGỮ 2 TIẾNG PHÁP	Tiếng Anh	Tiếng Pháp	
1048	1092	146403	Phạm Lâm Bảo	Như	10D08	Nữ	07/12/2009	N7- THƯỜNG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- ÂM NHẠC	Tiếng Anh	0	
1049	1096	146563	Nguyễn Hữu Quang	Vinh	10A14	Nam	20/05/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
1050	1097	91368	Nguyễn Lê Thiên	Trí	10A06	Nam	29/03/2009	N3- Tăng cường tiếng Anh-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	
1051	1097		Lữ Ngọc Phúc	An	10D04		31/03/2009	N4- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	TT

TT	Số hồ sơ	SBD	Họ và tên		Lớp	GT	Ngày sinh	Tính chất lớp	Ngoại ngữ 1	Ngoại ngữ 2	Ghi chú
1052	1098		Phạm Phúc	An	10D08	Nữ	04/11/2008	N7- THƯỜNG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- ÂM NHẠC	Tiếng Anh	0	TT
1053	1099		Vũ Hồng	Ngọc	10A13	Nữ	25/05/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	TT
1054	1100		Cao Huỳnh Gia	Hân	10P	Nữ	09/06/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Pháp	0	FIEF
1055	1101		Châu Hoàng Khánh	Hân	10P	Nữ	13/08/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Pháp	0	FIEF
1056	1102		Đoàn Minh	Khôi	10P	Nam	04/09/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Pháp	0	FIEF
1057	1103		Dương Huỳnh Hoàng	Quyên	10P	Nữ	02/12/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Pháp	0	FIEF
1058	1104		Huỳnh Phạm Hoàng	Như	10P	Nữ	04/09/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Pháp	0	FIEF
1059	1105		Lại Khánh	Minh	10P	Nam	19/10/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Pháp	0	FIEF
1060	1106		Lê Quang	Thuận	10P	Nam	15/04/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Pháp	0	FIEF
1061	1107		Nguyễn Hoàng Gia	Hân	10P	Nữ	06/10/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Pháp	0	FIEF
1062	1108		Nguyễn Hoàng	Minh	10P	Nam	30/12/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Pháp	0	FIEF
1063	1109		Nguyễn Hồng Khánh	Linh	10P	Nữ	03/08/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Pháp	0	FIEF
1064	1110		Nguyễn Hữu	Phúc	10P	Nam	12/03/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Pháp	0	FIEF
1065	1111		Nguyễn Minh	Trí	10P	Nam	31/10/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Pháp	0	FIEF
1066	1112		Nguyễn Ngọc Gia	Hân	10P	Nữ	07/03/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Pháp	0	FIEF
1067	1113		Nguyễn Ngọc Mỹ	Kỳ	10P	Nữ	09/12/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Pháp	0	FIEF
1068	1114		Nguyễn Như Bảo	Ngọc	10P	Nữ	10/12/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Pháp	0	FIEF
1069	1115		Nguyễn Quang	Lâm	10P	Nam	23/12/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Pháp	0	FIEF
1070	1116		Nguyễn Vũ Mai	Anh	10P	Nữ	08/07/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Pháp	0	FIEF
1071	1117		Phan Trọng	Tín	10P	Nam	22/05/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Pháp	0	FIEF
1072	1118		Phan Trúc Thanh	Xuân	10P	Nữ	23/02/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Pháp	0	FIEF
1073	1119		Trần Ngọc	Liên	10P	Nữ	21/12/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Pháp	0	FIEF
1074	1120		Trần Phúc Khang	An	10P	Nam	29/08/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Pháp	0	FIEF
1075	1121		Trần Việt	Hoa	10P	Nam	09/04/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Pháp	0	FIEF
1076	1122		Trương Ngọc	Lĩnh	10P	Nữ	06/01/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Pháp	0	FIEF
1077	1123		Văn Hồ Bảo	Châu	10P	Nữ	04/09/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Pháp	0	FIEF
1078	1124		Đặng Trương Uyên	Chi	10P	Nữ	21/10/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Pháp	0	Pháp NN1
1079	1125		Đỗ Bảo	Nam	10P	Nam	03/08/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Pháp	0	Pháp NN1
1080	1126		Đỗ Ngọc Bảo	Trần	10P	Nữ	31/07/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Pháp	0	Pháp NN1
1081	1127		Huỳnh Thanh	Tài	10P	Nam	20/11/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Pháp	0	Pháp NN1
1082	1128		Lê Phạm Thảo	Dương	10P	Nữ	29/10/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Pháp	0	Pháp NN1
1083	1129		Lê Tiến	Hung	10P	Nam	04/12/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Pháp	0	Pháp NN1
1084	1130		Lê Trần	Tina	10P	Nữ	02/07/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Pháp	0	Pháp NN1
1085	1131		Mai Thiên	Vân	10P	Nữ	16/07/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Pháp	0	Pháp NN1
1086	1132		Nguyễn Đặng Hoàng	Yến	10P	Nữ	21/03/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Pháp	0	Pháp NN1

TT	Số hồ sơ	SBD	Họ và tên		Lớp	GT	Ngày sinh	Tính chất lớp	Ngoại ngữ 1	Ngoại ngữ 2	Ghi chú
1087	1133		Nguyễn Hoàng Gia	Uyên	10P	Nữ	18/09/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Pháp	0	Pháp NN1
1088	1134		Nguyễn Huỳnh Phước	Triệu	10P	Nam	10/10/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Pháp	0	Pháp NN1
1089	1135		Nguyễn Kim Minh	Hy	10P	Nữ	13/01/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Pháp	0	Pháp NN1
1090	1136		Nguyễn Phạm Thanh	Hà	10P	Nữ	17/11/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Pháp	0	Pháp NN1
1091	1137		Nguyễn Quế	Doanh	10P	Nữ	29/01/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Pháp	0	Pháp NN1
1092	1138		Nguyễn Trương Gia	Huy	10P	Nam	08/09/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Pháp	0	Pháp NN1
1093	1139		Phạm Sơn	Lâm	10P	Nam	17/06/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Pháp	0	Pháp NN1
1094	1140		Quách Võ Gia	Hân	10P	Nữ	05/06/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Pháp	0	Pháp NN1
1095	1141		Trần Huỳnh Nhật	Quyên	10P	Nữ	22/10/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Pháp	0	Pháp NN1
1096	1142		Trần Lâm Thảo	My	10P	Nữ	19/06/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Pháp	0	Pháp NN1
1097	1143		Trần Lê Đăng	Khôi	10P	Nam	08/05/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Pháp	0	Pháp NN1
1098	1144		Trần Minh	Anh	10P	Nam	17/11/2008	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Pháp	0	Pháp NN1
1099	1145		Trần Minh	Trí	10P	Nam	19/10/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Pháp	0	Pháp NN1
1100	1146		Trần Ngọc	Anh	10P	Nữ	22/07/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Pháp	0	Pháp NN1
1101	1147		Võ Nhật	Minh	10P	Nam	06/07/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Pháp	0	Pháp NN1
1102	1148		Võ Thị Linh	Đan	10P	Nữ		N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Pháp	0	Pháp NN1
1103	1149		Trần Châu Chí	Thành	10P	Nam	12/09/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Pháp	0	FIEF
1104	1150		Trần Mỹ	Quyên	10P	Nữ	08/10/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Pháp	0	FIEF
1105	1151		Đào Lê Anh	Thái	10A01	Nam	08/12/2009	N1- Tăng cường tiếng Anh-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	TT
1106	1152		Mai Tôn Gia	Bảo	10A08	Nam	28/10/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	TT
1107	1153		Trương Võ Thành	Danh	10A08	Nam	09/07/2009	N1- thường-LÝ-HÓA-SINH-TIN	Tiếng Anh	0	TT
1108	1154		Nguyễn Ngọc Bảo	Yến	10A12	Nữ	23/06/2009	N2- Thường-LÝ-HÓA-SINH-CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	TT
1109	1155		Đinh Đức Mạnh	Tuyên	10A15	Nam	06/02/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	TT
1110	1156		Nguyễn Gia	Khang	10A15	Nam	02/11/2009	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	TT
1111	1157		Trần Nguyễn Gia	Phong	10A14	Nam	18/12/2008	N3- THƯỜNG-LÝ- HÓA-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	TT
1112	1158		Dương Ngọc	Khánh	10D04	Nữ	16/12/2008	N4- THƯỜNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	TT
1113	1159		Huỳnh Tuyết	Nhung	10D09	Nữ	30/07/2008	N4- NN2 TIẾNG PHÁP-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN- NGOẠI NGỮ 2 TIẾNG PHÁP	Tiếng Anh	Tiếng Pháp	TT

TT	Số hồ sơ	SBD	Họ và tên		Lớp	GT	Ngày sinh	Tính chất lớp	Ngoại ngữ 1	Ngoại ngữ 2	Ghi chú
1114	1160		Ngô Gia Bảo	Ngọc	10D09	Nữ	10/01/2009	N4- NN2 TIẾNG PHÁP-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN- NGOẠI NGỮ 2 TIẾNG PHÁP	Tiếng Anh	Tiếng Pháp	TT
1115	1161		Võ Trần Hoàng	Quân	10D05	Nam	18/05/2009	N4- THƯƠNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	TT
1116	1162		Phạm Đình Đăng	Khôi	10D05	Nam	12/05/2008	N4- THƯƠNG-LÝ-ĐỊA-GDKTPL-TIN	Tiếng Anh	0	TT
1117	1163		Phạm Hồng	Phúc	10D07	Nam	15/11/2009	N6- THUONG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	TT
1118	1164		Tạ Ngọc Như	Ý	10D07	Nữ	19/10/2009	N6- THUONG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	TT
1119	1165		Trần Gia	Hân	10D08	Nữ	14/06/2009	N7- THƯỜNG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- ÂM NHẠC	Tiếng Anh	0	TT
1120	1166		Trần Hiếu	Quân	10D07	Nam	07/07/2008	N6- THUONG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	Tiếng Anh	0	TT
1121	1167		Trần Triều	Thái	10N	Nam	11/11/2009	N6- THƯỜNG-ĐỊA-GDKTPL-TIN- CÔNG NGHỆ	TIẾNG NHẬT	TIẾNG ANH	TT